

Số: 31/2022/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 09 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang
nhiệm kỳ 2021-2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang nhiệm kỳ 2021-2026.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 12 tháng 9 năm 2022 và thay thế Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang nhiệm kỳ 2021-2026.

Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã ban hành Quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị phù hợp với Quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *42*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tư lệnh QK 9;
- TT TU, TT.HĐND, UBMTTQ tỉnh;
- CT và các PCT;
- VPTU, VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- VPUB: CVP và các PCVP, Trưởng, phó và chuyên viên các phòng, ban, trung tâm trực thuộc Văn phòng, P.Tổng hợp (Q.Anh);
- Công báo tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.

96

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *chữ*
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Vĩnh

**QUY CHẾ
Làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang
nhiệm kỳ 2021 - 2026**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: **31**/2022/QĐ-UBND ngày **09** tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định nguyên tắc làm việc, trách nhiệm, quyền hạn, quan hệ công tác, cách thức và quy trình giải quyết công việc; chế độ họp, tiếp khách, đi công tác của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; chế độ thông tin, báo cáo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

2. UBND tỉnh, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh (gọi tắt là Thường trực UBND tỉnh), thành viên UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, thị xã Cai Lậy (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện), và các tổ chức, cá nhân có quan hệ làm việc với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chịu sự điều chỉnh của Quy chế này (trừ trường hợp khẩn cấp theo quy định pháp luật và được sự đồng ý của Chủ tịch UBND tỉnh).

Điều 2. Nguyên tắc làm việc của UBND tỉnh

1. Mọi hoạt động của UBND tỉnh phải tuân thủ quy định của Hiến pháp và pháp luật, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng. UBND tỉnh làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự kết hợp giữa quyền hạn, trách nhiệm của tập thể UBND tỉnh với quyền hạn, trách nhiệm của Chủ tịch UBND tỉnh và từng thành viên UBND tỉnh.

Chủ tịch UBND tỉnh quyết định theo đa số các vấn đề thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh. Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh phải được đa số thành viên UBND tỉnh biểu quyết tán thành hoặc ghi thống nhất ý kiến vào phiếu lấy ý kiến (trong trường hợp nội dung được gửi lấy ý kiến bằng văn bản) thì mới có hiệu lực. Trong một số trường hợp gửi Phiếu lấy ý kiến Thành viên UBND tỉnh, đa số thành viên UBND tỉnh thông qua nhưng còn có ý kiến khác, Văn phòng

UBND tỉnh chuyển ngay các ý kiến này đến cơ quan soạn thảo đề án, văn bản để tiếp thu, giải trình và chủ động báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Các thành viên UBND tỉnh được thảo luận dân chủ và có quyền bảo lưu ý kiến nhưng không được phát ngôn và làm trái với kết luận, quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Giải quyết công việc theo trình tự, thủ tục, thời gian, thẩm quyền đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và Quy chế làm việc, chịu sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và bảo đảm sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Nâng cao trách nhiệm cá nhân, mỗi việc chỉ một người phụ trách và chịu trách nhiệm. Bảo đảm yêu cầu phối hợp công tác, trao đổi thông tin, đề cao sự thống nhất trong giải quyết công việc của UBND tỉnh. Nếu công việc được giao cho cơ quan, đơn vị có liên quan nhiều ngành, nhiều cấp thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao chịu trách nhiệm chính, phải chủ động lấy ý kiến (tổ chức họp hoặc bằng văn bản) các đơn vị liên quan để thực hiện nhiệm vụ đúng tiến độ và đạt chất lượng, hiệu quả.

4. Người đứng đầu phải phát huy trách nhiệm nêu gương, không ngừng nâng cao và phát huy trình độ, năng lực, sở trường của cán bộ, công chức, cá thể hóa trách nhiệm gắn với giám sát, kiểm tra, kiểm soát việc thực thi công vụ; thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, cấp dưới phục tùng sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên. Phát huy tính chủ động, sáng tạo của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND cấp huyện.

5. Bảo đảm tính công khai, dân chủ, minh bạch trong mọi hoạt động; thực hiện nền hành chính thống nhất, thông suốt, liên tục, dân chủ, hiện đại, liêm chính, hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và chịu sự kiểm tra, giám sát của Nhân dân.

Chương II

TRÁCH NHIỆM, PHẠM VI GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 3. Trách nhiệm, phạm vi, cách thức giải quyết công việc của UBND tỉnh

1. UBND tỉnh giải quyết công việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 17, Điều 21 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019. UBND tỉnh thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

- a) Chương trình công tác của UBND tỉnh;
 - b) Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (hàng năm và 05 năm), dự toán ngân sách, quyết toán ngân sách hàng năm của tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định;
 - c) Kế hoạch đầu tư, xây dựng các công trình trọng điểm của tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định;
 - d) Kế hoạch huy động nhân lực, tài chính để giải quyết các vấn đề cấp bách của tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định;
 - đ) Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện kịp thời các nghị định, nghị quyết, quyết định, chỉ thị, thông tư, chủ trương của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.
 - e) Thông qua các dự án, chương trình, báo cáo theo yêu cầu (hoặc đề nghị) của Chủ tịch UBND tỉnh trước khi trình Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh;
 - g) Văn bản quy phạm pháp luật (quyết định) do UBND tỉnh ban hành;
 - h) Đề án thành lập mới, sáp nhập, giải thể các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và Đề án thành lập mới, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trước khi trình Trung ương xem xét, quyết định;
 - i) Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trên các lĩnh vực thuộc sự điều hành của UBND tỉnh. Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, chương trình, kế hoạch, kết luận của Tỉnh ủy, chỉ đạo của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh;
 - k) Trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho chủ trương đối với những dự án nằm ngoài các khu, cụm công nghiệp có tổng vốn đầu tư từ 500 tỷ đồng trở lên; dự án có diện tích giải tỏa từ 20 ha trở lên; dự án sử dụng đất công từ 01 ha trở lên; các dự án có tác động xấu đến môi trường, ảnh hưởng đến quốc phòng - an ninh, an sinh xã hội...
 - l) Cơ chế, chính sách thuộc các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trình Hội đồng nhân dân tỉnh;
 - m) Những vấn đề quan trọng khác mà pháp luật quy định thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh quyết định hoặc những vấn đề mà Chủ tịch UBND tỉnh thấy cần phải đưa ra thảo luận tập thể UBND tỉnh;
 - n) Kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và thực hiện Quy chế làm việc của UBND tỉnh.
2. Cách thức giải quyết công việc của UBND tỉnh:

a) Thảo luận và quyết định từng vấn đề, đề án, dự án tại phiên họp UBND thường kỳ hoặc họp chuyên đề;

b) Đối với một số vấn đề do yêu cầu cấp bách hoặc không nhất thiết phải tổ chức thảo luận tập thể, theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, Văn phòng UBND gửi toàn bộ hồ sơ (theo quy định về thủ tục gửi công văn, tờ trình giải quyết công việc được quy định trong Quy chế này) và phiếu lấy ý kiến đến từng thành viên UBND tỉnh để lấy ý kiến. Trường hợp lấy ý kiến các thành viên UBND tỉnh thông qua phiếu lấy ý kiến thì trong vòng 05 (năm) ngày làm việc hoặc theo thời gian quy định tại văn bản gửi phiếu lấy ý kiến, các thành viên UBND tỉnh phải có ý kiến trả lời (*ghi ý kiến vào phiếu với tư cách thành viên UBND tỉnh, không sử dụng văn bản của cơ quan mình phụ trách để góp ý kiến*). Theo đó, công việc sẽ được xử lý theo nguyên tắc sau:

- Nếu vấn đề được đa số thành viên UBND tỉnh đồng ý, Văn phòng UBND tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định và báo cáo UBND tỉnh trong phiên họp gần nhất;

- Nếu vấn đề chưa được đa số thành viên UBND tỉnh đồng ý, Văn phòng UBND tỉnh báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh quyết định việc đưa vấn đề ra phiên họp UBND tỉnh gần nhất để thảo luận, đi đến thống nhất;

- Nếu số phiếu đồng ý và không đồng ý bằng nhau thì quyết định theo ý kiến của Chủ tịch UBND tỉnh đã biểu quyết.

3. UBND tỉnh thực hiện phân cấp, ủy quyền cho UBND cấp huyện quyết định hoặc thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước phù hợp với điều kiện, năng lực của chính quyền cấp huyện; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã được phân cấp, ủy quyền.

Điều 4. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của các thành viên UBND tỉnh

1. Chủ động, tích cực tham gia giải quyết các công việc chung của tập thể UBND tỉnh; cùng UBND tỉnh quyết định và liên đới chịu trách nhiệm các vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của UBND tỉnh.

2. Nghiên cứu, đề xuất với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh các chủ trương, chính sách, cơ chế, văn bản pháp luật cần thiết ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trong và ngoài lĩnh vực mình phụ trách. Chủ động làm việc với Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh về các công việc của UBND tỉnh và các công việc có liên quan.

Thành viên UBND tỉnh là Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung và tiến độ trình các đề án, dự án, văn bản pháp luật do cơ quan mình chủ trì soạn thảo.

3. Tham dự đầy đủ, chuẩn bị kỹ, thể hiện rõ quan điểm, chính kiến, trách nhiệm của mình trong các phiên họp thành viên UBND tỉnh. Trả lời kịp thời, đầy đủ các phiếu lấy ý kiến thay cho việc biểu quyết tại phiên họp thành viên UBND tỉnh.

Trong phiên họp, thành viên UBND tỉnh có quyền tham gia phát biểu ý kiến các vấn đề, nội dung thuộc thẩm quyền UBND tỉnh (không chỉ riêng lĩnh vực thuộc phạm vi sở, ngành quản lý) và với tư cách là Thủ trưởng sở, ngành (khi trình nội dung của sở, ngành soạn thảo).

4. Thực hiện các công việc cụ thể theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách và theo sự phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh. Trường hợp cần thiết, chủ động chủ trì họp với các cơ quan chuyên môn, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan để thảo luận, thống nhất những vấn đề còn có ý kiến khác nhau trước khi trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

5. Sắp xếp thời gian hợp lý để đi kiểm tra cơ sở, có kế hoạch tiếp, đối thoại với công dân về các vấn đề thuộc phạm vi phụ trách của mình hoặc thuộc phạm vi của UBND tỉnh khi được phân công. Thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn việc thi hành chính sách, pháp luật, việc thực hiện chương trình kế hoạch và các quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về ngành, lĩnh vực do mình phụ trách.

6. UBND tỉnh và mỗi thành viên UBND tỉnh phải chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, các cơ quan Trung ương, Quân khu 9 đóng trên địa bàn tỉnh trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

7. Mỗi thành viên UBND tỉnh có hộp thư điện tử riêng để nhận, gửi thông tin, tài liệu, đơn thư, giấy mời họp, trao đổi ý kiến về các công việc có liên quan. Được trang bị các phương tiện để phục vụ việc xử lý công việc, trao đổi thông tin.

8. Thành viên UBND tỉnh là Đại biểu Quốc hội, Đại biểu Hội đồng nhân dân ứng cử ở đơn vị nào thì phải theo dõi và phối hợp công tác với đơn vị đó.

Điều 5. Quyền hạn, trách nhiệm, phạm vi, cách thức giải quyết công việc của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Chủ tịch UBND tỉnh là người lãnh đạo và điều hành công việc của UBND tỉnh, chịu trách nhiệm giải quyết công việc được quy định tại Điều 22, Điều 121 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và những vấn đề khác mà pháp luật quy định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh quyết định. Cụ thể như sau:

a) Lãnh đạo và điều hành công việc của UBND tỉnh, các thành viên UBND tỉnh, các cơ quan chuyên môn và cơ quan thuộc UBND tỉnh, gồm:

- Đôn đốc, kiểm tra công tác của các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện trong việc thực hiện Hiến pháp, pháp luật, các văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và văn bản của UBND tỉnh;

- Quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND tỉnh, trừ các vấn đề quy định tại Khoản 1, Điều 3 của Quy chế này;

- Áp dụng các biện pháp nhằm cải tiến lề lối làm việc; quản lý và điều hành bộ máy hành chính hoạt động có hiệu quả; ngăn ngừa và đấu tranh chống các biểu hiện quan liêu, vô trách nhiệm, cửa quyền, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác của cán bộ, công chức;

- Tổ chức việc tiếp công dân, xử lý ý kiến phản ánh, kiến nghị và giải quyết các khiếu nại, tố cáo của công dân theo quy định của pháp luật.

b) Triệu tập và chủ trì các phiên họp của UBND tỉnh;

c) Phê chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; điều động, đình chỉ công tác, cách chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong trường hợp khuyết Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân cấp huyện; yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đình chỉ, cách chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp dưới khi không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc vi phạm pháp luật; bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, cách chức, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

d) Đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ những văn bản trái pháp luật của các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh và những văn bản trái pháp luật của UBND, Chủ tịch UBND cấp huyện;

đ) Đình chỉ việc thi hành nghị quyết trái pháp luật của Hội đồng nhân dân cấp huyện, báo cáo UBND tỉnh để đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh bãi bỏ;

e) Chỉ đạo và áp dụng các biện pháp để giải quyết các công việc đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, cháy, nổ, dịch bệnh, an ninh, trật tự và một số vấn đề quan trọng khác, báo cáo UBND tỉnh trong phiên họp gần nhất;

g) Ban hành quyết định để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Phân công nhiệm vụ, lĩnh vực công tác cho các Phó Chủ tịch UBND tỉnh.

Chủ tịch UBND tỉnh không xử lý các việc đã phân công cho Phó Chủ tịch UBND tỉnh, trừ trường hợp đặc biệt, xét thấy thực sự cần thiết do tính cấp bách, phức tạp, nhạy cảm của công việc, hoặc có sự trao đổi thống nhất trong thường trực UBND tỉnh.

3. Cách thức xử lý công việc của Chủ tịch UBND tỉnh:

a) Trực tiếp chỉ đạo giải quyết hoặc giao Phó Chủ tịch chủ trì, phối hợp giải quyết những vấn đề liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, địa phương trong tỉnh. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch UBND tỉnh có thể thành lập các tổ tư vấn để giúp Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết công việc;

b) Trực tiếp hoặc phân công Phó Chủ tịch thay mặt Chủ tịch xử lý công việc trên cơ sở hồ sơ, tài liệu trình của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và được tổng hợp trong Phiếu trình giải quyết công việc của Văn phòng UBND tỉnh theo quy định tại Điều 21 và Điều 22 của Quy chế này;

c) Trực tiếp hoặc phân công, ủy quyền Phó Chủ tịch, thành viên UBND tỉnh thay mặt Chủ tịch chủ trì họp, làm việc với lãnh đạo cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để tham khảo ý kiến trước khi quyết định;

d) Thành lập các tổ chức phối hợp liên ngành để chỉ đạo đối với một số vấn đề phức tạp, quan trọng liên quan đến nhiều ngành, nhiều địa phương và phải xử lý trong thời gian dài;

đ) Khi vắng mặt, Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh thay mặt Chủ tịch chỉ đạo công việc của UBND tỉnh. Khi một Phó Chủ tịch UBND tỉnh vắng mặt thì Chủ tịch UBND tỉnh trực tiếp xử lý hoặc phân công một Phó Chủ tịch UBND tỉnh khác xử lý công việc đã phân công cho Phó Chủ tịch UBND tỉnh đó. Chánh Văn phòng UBND tỉnh thông báo kịp thời các nội dung ủy quyền và kết quả giải quyết công việc cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch đi vắng biết;

e) Ủy quyền cho Chánh Văn phòng UBND tỉnh hoặc một thành viên UBND tỉnh chủ trì làm việc với lãnh đạo cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để xử lý các vấn đề thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh mà các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương còn có ý kiến khác nhau, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định. Các cơ quan, tổ chức được mời phải cử lãnh đạo tham dự và ý kiến phát biểu được xem là ý kiến đại diện của cơ quan, tổ chức cử tham dự;

g) Ủy quyền cho thành viên UBND tỉnh thay mặt UBND tỉnh báo cáo công tác hoặc Tờ trình của UBND tỉnh trước Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Khi thấy cần thiết, Chủ tịch UBND tỉnh có thể:

a) Điều chỉnh việc phân công giữa các thành viên UBND tỉnh;

b) Ủy quyền cho các Phó Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý hành chính đối với lĩnh vực phụ trách và tham dự các phiên tòa (khi có yêu cầu của tòa án).

c) Trực tiếp cho ý kiến chỉ đạo giải quyết công việc trên hồ sơ trình (các báo cáo, văn bản, tờ trình) của cơ quan chuyên môn, UBND cấp huyện, của tổ chức, cá nhân liên quan; trên cơ sở đó, Văn phòng UBND tỉnh xử lý, hoàn tất hồ sơ theo quy định.

5. Chủ tịch UBND tỉnh với trách nhiệm là Phó Bí thư Tỉnh ủy, Bí thư Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh: Thực hiện theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy khóa XI, nhiệm kỳ 2020-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 01-QĐ/TU ngày 09/02/2021 của Tỉnh ủy và Quy chế làm việc của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh.

Điều 6. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của Phó Chủ tịch UBND tỉnh

1. Phó Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết công việc theo phạm vi, trách nhiệm quy định tại Điều 122 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015. Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh được Chủ tịch UBND tỉnh phân công phụ trách một số lĩnh vực công tác cụ thể; chỉ đạo và theo dõi hoạt động của một số địa phương cấp huyện. Trong phạm vi, lĩnh vực được phân công, ủy quyền, Phó Chủ tịch UBND tỉnh được thay mặt Chủ tịch UBND tỉnh toàn quyền quyết định và chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện, mọi mặt trước pháp luật.

Phó Chủ tịch UBND tỉnh chịu trách nhiệm cá nhân đối với công việc trước Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Trong phạm vi, lĩnh vực được phân công, Phó Chủ tịch UBND tỉnh có nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan chuyên môn và cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện xây dựng và tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, các cơ chế, chính sách, đề án phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, phù hợp với các văn bản chỉ đạo của cấp trên và tình hình thực tế của địa phương, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả cao;

b) Chỉ đạo, kiểm tra các cơ quan chuyên môn và cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện thực hiện chính sách, pháp luật Nhà nước và nhiệm vụ được phân công phụ trách. Đình chỉ tạm thời việc thi hành các văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và những hành vi trái pháp luật, đồng thời có báo cáo và đề xuất với UBND, Chủ tịch UBND tỉnh biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật;

c) Thay mặt Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo, xử lý những vấn đề phát sinh hàng ngày thuộc phạm vi phụ trách. Nghiên cứu, đề xuất chủ trương, cơ chế, chính sách cần ban hành hoặc bổ sung, sửa đổi thuộc lĩnh vực được phân công, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định;

d) Giải quyết kinh phí hành chính, sự nghiệp, kinh phí thực hiện chương trình, dự án và vốn xây dựng cơ bản trong kế hoạch của các ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh theo phân công của Chủ tịch UBND tỉnh;

đ) Theo dõi công tác tổ chức, cán bộ và chỉ đạo việc xử lý những vấn đề nội bộ thuộc các cơ quan phụ trách theo thẩm quyền được Chủ tịch UBND tỉnh phân công;

e) Được ủy quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý hành chính đối với lĩnh vực phụ trách;

g) Làm nhiệm vụ Trưởng các đoàn công tác liên ngành của tỉnh (Hội đồng, Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, Đoàn công tác,...) thuộc lĩnh vực phụ trách do Chủ tịch UBND tỉnh thành lập;

h) Chấp hành và thực hiện những công việc khác do Chủ tịch UBND tỉnh giao.

3. Trong phạm vi quyền hạn được giao, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh chủ động, kịp thời xử lý công việc. Nếu vấn đề có liên quan đến lĩnh vực công tác của các Phó Chủ tịch khác phụ trách thì trực tiếp trao đổi, thống nhất để giải quyết. Trường hợp còn có ý kiến khác nhau thì Phó Chủ tịch đang chủ trì xử lý công việc trực tiếp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

4. Hàng tuần, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh tổng hợp tình hình công việc phụ trách báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh tại các cuộc họp, hội ý của Thường trực UBND tỉnh. Trong chỉ đạo điều hành, nếu có vấn đề liên quan hoặc thuộc lĩnh vực Chủ tịch UBND tỉnh trực tiếp phụ trách, những vấn đề phát sinh ngoài kế hoạch, những vấn đề chưa được quy định, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh chủ động báo cáo, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh quyết định; nếu vấn đề thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh thì báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh đưa ra phiên họp UBND tỉnh thảo luận, quyết định.

Điều 7. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc, quan hệ công tác của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và cơ quan thuộc UBND tỉnh

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn và cơ quan thuộc UBND tỉnh chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực được giao tại địa phương và những công việc được ủy quyền (kể cả khi đã ủy quyền hoặc phân công cho cấp phó; trường hợp được UBND tỉnh ủy quyền thì không được ủy quyền lại cho cấp phó). Chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về công tác chuyên môn của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương quản lý chuyên ngành, lĩnh vực.

2. Cách thức giải quyết công việc của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn và cơ quan thuộc UBND tỉnh:

a) Giải quyết công việc thuộc thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ được pháp luật quy định; tham mưu văn bản chuyên môn phải rõ chính kiến; không đùn đẩy, chuyển công việc thuộc thẩm quyền sang sở, ngành, cơ quan khác;

không giải quyết công việc được xác định thuộc thẩm quyền của cơ quan khác (trừ trường hợp cấp bách theo sự phân công của Chủ tịch UBND tỉnh).

b) Chủ động triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ ngành Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh thuộc thẩm quyền và chức năng được pháp luật quy định, không nhất thiết phải có văn bản giao nhiệm vụ của UBND tỉnh, nhất là về cơ chế, chính sách, quy trình, thủ tục liên quan hoạt động sản xuất, kinh doanh, phát triển doanh nghiệp, về công tác quy hoạch, kế hoạch... nhằm giúp cho công tác quản lý, điều hành ngày càng nhanh chóng, chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của mình. Trong xử lý công việc, nếu có khó khăn, vướng mắc thì đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách khối biện pháp giải quyết;

c) Thực hiện một số công việc cụ thể theo phân công của Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh và phân cấp của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương quản lý chuyên ngành, lĩnh vực;

d) Được giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn cùng cấp và UBND cấp huyện để xử lý các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ nhưng thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quy định tại Điều 3 và Điều 5 của Quy chế này và theo các Quy chế phối hợp có liên quan;

đ) Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn và cơ quan thuộc UBND tỉnh có trách nhiệm chấp hành nghiêm các quyết định, chỉ thị, chỉ đạo của cấp trên, khi giao việc cho cấp dưới phải kiểm tra chặt chẽ, không khoán trắng cho cấp phó, trưởng phòng chuyên môn hoặc chuyên viên thực hiện. Trường hợp chậm hoặc không thực hiện được, kể cả khi có căn cứ là quyết định đó trái pháp luật (hoặc phát sinh quy định mới từ văn bản Trung ương dẫn đến chỉ đạo của cấp trên không còn phù hợp) thì phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với người ra quyết định để được xem xét, xử lý. Trong trường hợp nếu phải chấp hành quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhưng không còn phù hợp với quy định thì phải báo cáo lên cấp trên trực tiếp của người ra quyết định và không phải chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành quyết định đó;

e) Trước khi đi nước ngoài phải xin ý kiến và được sự chấp thuận của Chủ tịch UBND tỉnh, khi về phải báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (bằng văn bản) chi tiết mọi hoạt động làm việc, học tập, sinh hoạt trong thời gian ở nước ngoài. Thời gian đi công tác trong nước từ 03 (ba) ngày trở lên phải có báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, công khai trên lịch công tác, lịch làm việc hàng tuần của sở, ngành và ủy quyền, ủy nhiệm người điều hành, giải quyết công việc tại cơ quan;

g) Xây dựng, trình UBND tỉnh quyết định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu, tổ chức của cơ quan; đồng thời niêm yết công khai tại trụ sở làm việc, trên trang thông tin điện tử cơ quan để theo dõi, giám sát;

h) Thực hiện đúng yêu cầu về chất lượng, thời gian các công việc được giao, kịp thời phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh;

i) Thực hiện công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, cải cách hành chính trong nội bộ cơ quan và tích cực, chủ động tham gia công tác cải cách hành chính, dân vận chính quyền của địa phương;

k) Thực hiện một số công việc cụ thể theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách khối (xử lý hành chính, giải quyết khiếu nại, tố cáo).

3. Quan hệ công tác giữa các Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và cơ quan thuộc UBND tỉnh

a) Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn và cơ quan thuộc UBND tỉnh khi giải quyết công việc thuộc thẩm quyền có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của các sở, ban, ngành, cơ quan khác thì phải lấy ý kiến của cơ quan đó.

- Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, cơ quan gửi lấy ý kiến phải đề nghị rõ thời gian trả lời nhưng không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan được gửi lấy ý kiến nhận được văn bản (trừ những trường hợp xử lý gấp những vấn đề cấp bách hoặc theo quy định của pháp luật chuyên ngành). Thủ trưởng cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời rõ quan điểm, chính kiến bằng văn bản trong thời hạn cơ quan lấy ý kiến đề nghị. Trường hợp đặc biệt (công việc có tính chất quan trọng, phức tạp), các cơ quan được lấy ý kiến có thể đề nghị được gia hạn thêm nhưng không quá 07 ngày làm việc. Nếu quá thời hạn (kể cả thời gian gia hạn) mà Thủ trưởng cơ quan được lấy ý kiến không trả lời hoặc chậm trả lời thì được coi là đồng ý và phải chịu trách nhiệm cá nhân trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và cơ quan thuộc UBND tỉnh lấy ý kiến báo cáo các trường hợp này về Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

- Khi được mời họp để lấy ý kiến, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và cơ quan thuộc UBND tỉnh phải trực tiếp hoặc cử cấp phó dự họp hoặc nếu có lý do chính đáng không dự được thì phải cử người có thẩm quyền dự thay. Ý kiến của người dự họp là ý kiến chính thức của cơ quan đó và chịu trách nhiệm về nội dung đã góp ý. Ý kiến của các đại biểu dự họp phải được lập thành biên bản đưa vào hồ sơ trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh;

- Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và cơ quan thuộc UBND tỉnh được phân công làm nhiệm vụ thẩm định, thẩm tra các đề án, dự án, văn bản phải chịu trách nhiệm thực hiện công việc được giao, bảo đảm có chất lượng và đúng thời hạn quy định.

b) Đối với những vấn đề vượt thẩm quyền hoặc đúng thẩm quyền nhưng không đủ khả năng và điều kiện để giải quyết (nội dung phức tạp, có tính liên

ngành, đã phối hợp nhưng còn có ý kiến khác nhau), Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và cơ quan thuộc UBND tỉnh phải chủ động phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan có liên quan để hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định. Nội dung trình phải đề xuất được biện pháp, giải pháp cụ thể, nêu rõ quan điểm, chính kiến về vấn đề đó và có đề xuất cụ thể các phương án chọn lựa, không được đùn đẩy trách nhiệm cho ngành khác hoặc cấp trên.

Điều 8. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của Chánh Văn phòng UBND tỉnh

Chánh Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo Văn phòng UBND tỉnh thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Điều 4, Điều 6, Điều 7 và khoản 17, Điều 8 Nghị định số- 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ về quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Điều 1 Nghị định 107/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 24/2014/NĐ-CP và Thông tư của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

1. Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện nghiêm túc Quy chế làm việc của Chính phủ. Nắm tình hình hoạt động của UBND tỉnh, quản lý nhà nước của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện về hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng và các vấn đề cần thiết khác tại địa phương; tổng hợp tình hình hoạt động của UBND tỉnh và báo cáo tại các cuộc họp lãnh đạo UBND tỉnh. Đề xuất với Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh việc phân công các cơ quan chuyên môn nghiên cứu, báo cáo những vấn đề về chủ trương, chính sách, cơ chế quản lý và những vấn đề trọng tâm trong công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh.

2. Tổ chức việc cung cấp thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh. Thống nhất quản lý và sử dụng mạng tin học của UBND tỉnh, ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả công tác quản lý hành chính và trao đổi thông tin giữa các thành viên UBND tỉnh, hướng tới xây dựng phần mềm kết nối thông tin từ sở, ngành đến UBND cấp huyện.

3. Theo dõi, giám sát thành phần dự các phiên họp, hội nghị; bảo đảm lưu trữ, bảo mật thông tin, tài liệu, đặc biệt là các cuộc họp lãnh đạo UBND tỉnh và phiên họp thành viên UBND tỉnh.

4. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quyết định, văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; đề xuất với Chủ tịch UBND tỉnh về các biện pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện.

5. Xây dựng, trình UBND tỉnh thông qua Quy chế làm việc của UBND tỉnh, giúp UBND tỉnh theo dõi việc thực hiện và đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh xử lý các trường hợp vi phạm Quy chế làm việc; đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh kiểm điểm, phê bình (sau 02 lần nhắc nhở bằng văn bản) đối với Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện trong trường hợp không thực hiện nghiêm túc Quy chế làm việc của UBND tỉnh, chậm trễ trong thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao nhưng không báo cáo rõ lý do, đồng thời thông báo Sở Nội vụ (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) để đưa vào xem xét danh hiệu thi đua cuối năm.

6. Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh phối hợp xây dựng Quy chế phối hợp công tác giữa UBND tỉnh với Thường trực Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân cấp tỉnh.

7. Tham mưu UBND tỉnh quản lý thống nhất việc ban hành văn bản của UBND tỉnh; công tác giấy tờ, văn thư, hành chính, lưu trữ, tin học hóa quản lý hành chính của UBND tỉnh. Đôn đốc, kiểm tra, đề xuất xử lý những vi phạm được quy định tại các văn bản hành chính góp phần đảm bảo kỷ luật hành chính; thực hiện công tác hành chính, quản trị phục vụ UBND tỉnh.

8. Ký (hoặc giao Phó Chánh Văn phòng ký) trả hồ sơ, văn bản do sở, ban, ngành tham mưu không nêu chính kiến, kể cả đối với những vấn đề cần có ý kiến của sở, ngành liên quan nhưng cơ quan chủ trì không phối hợp để đạt sự đồng thuận trước khi trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

9. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng UBND tỉnh.

Điều 9. Quan hệ phối hợp công tác của UBND tỉnh

1. Trong hoạt động, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giữ mối liên hệ thường xuyên, chặt chẽ với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan có liên quan ở Trung ương, các cơ quan của Đảng, Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Tư lệnh Quân khu 9 và các đoàn thể nhân dân cùng cấp.

2. UBND tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc chuẩn bị chương trình, nội dung làm việc của kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, các báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân tỉnh; giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, các kiến nghị của Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. UBND tỉnh phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân cấp tỉnh chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của

nhân dân, vận động nhân dân tham gia xây dựng chính quyền vững mạnh và tích cực, tự giác thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

UBND tỉnh và các thành viên UBND tỉnh có trách nhiệm xem xét, xử lý và trả lời các kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân cấp tỉnh.

4. UBND tỉnh phối hợp với Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm, các hành vi vi phạm Hiến pháp và pháp luật, giữ vững kỷ luật, kỷ cương hành chính, tuyên truyền, giáo dục pháp luật; thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh...

Điều 10. Quan hệ phối hợp công tác giữa các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh với UBND cấp huyện

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn và cơ quan thuộc UBND tỉnh có trách nhiệm giải quyết các đề nghị của Chủ tịch UBND cấp huyện theo thẩm quyền và phải trả lời bằng văn bản trong thời gian không quá 08 ngày làm việc nếu không phải lấy ý kiến của các cơ quan khác và không quá 15 ngày làm việc nếu phải lấy ý kiến của các cơ quan khác về nội dung các công việc có liên quan (trừ trường hợp xử lý gấp những vấn đề đột xuất, cấp bách thì phải trả lời sớm theo yêu cầu). Hết thời hạn đó, nếu chưa nhận được văn bản trả lời thì Chủ tịch UBND cấp huyện báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh biết để chỉ đạo cơ quan có trách nhiệm giải quyết. Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp các trường hợp này, báo cáo tại phiên họp thành viên UBND tỉnh.

2. Khi Chủ tịch UBND cấp huyện đề nghị trực tiếp làm việc với Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và cơ quan thuộc UBND tỉnh về các công việc cần thiết liên quan đến lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý thì phải chuẩn bị kỹ về nội dung và gửi tài liệu trước để nghiên cứu. Sau khi được chấp thuận, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và cơ quan thuộc UBND tỉnh phải trực tiếp (hoặc phân công cấp phó) tiếp, làm việc với Chủ tịch UBND cấp huyện.

3. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và cơ quan thuộc UBND tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra UBND cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ công tác thuộc ngành, lĩnh vực, đơn vị mình phụ trách. Quản lý chặt chẽ các đơn vị thuộc quyền đóng tại địa phương, kịp thời uốn nắn, chấn chỉnh, xử lý các việc làm sai trái.

4. Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo, chuẩn bị nội dung, bố trí lịch làm việc, dự họp với Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và cơ quan thuộc UBND tỉnh khi được đề nghị.

5. Trường hợp Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và cơ quan thuộc UBND tỉnh tổ chức lấy ý kiến của Chủ tịch UBND cấp huyện và ngược lại, thời hạn lấy ý kiến thực hiện như quy định tại Điểm a, khoản 3, Điều 7 của Quy chế này.

6. Trong trường hợp cơ quan, tổ chức không phải là cơ quan chuyên môn và cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện nhưng được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao chủ trì xây dựng, triển khai đề án, thì việc lấy ý kiến của các cơ quan phải thực hiện như quy định tại khoản 3, Điều 7 của Quy chế này.

Chương III **CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC CỦA UBND TỈNH**

Điều 11. Chương trình công tác

Chương trình công tác của UBND tỉnh bao gồm: Chương trình công tác năm, quý (có phân chia từng tháng); Chương trình công tác tuần của Chủ tịch và Phó Chủ tịch UBND tỉnh.

1. Chương trình công tác năm là danh mục các đề án, dự án, báo cáo quan trọng, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi chung là đề án) thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh hoặc trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh cho ý kiến, trình cấp thẩm quyền quyết định; các hoạt động và các công việc dự kiến trình hoặc cần triển khai thực hiện trong năm của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh:

a) Các nội dung được đưa vào chương trình công tác năm của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, gồm:

- Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; các dự án, vấn đề liên quan đến chính sách, cơ chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định, phê duyệt và ban hành của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh;

- Các đề án, vấn đề cần báo cáo xin ý kiến của Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Danh mục các đề án đăng ký trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phải được xây dựng trên cơ sở:

- Chỉ đạo của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh;
- Hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh, nghị quyết, nghị định, quyết định, thông tư của các cơ quan Trung ương;
- Đề xuất của các cơ quan chuyên môn, các cơ quan, tổ chức khác.

c) Các đề án ghi trong chương trình công tác năm phải xác định rõ do UBND tỉnh hay Chủ tịch UBND tỉnh quyết định, cơ quan chủ trì chuẩn bị và thời hạn trình từng đề án;

d) Thời hạn trình các đề án trong chương trình công tác năm được dự kiến đến từng quý, từng tháng.

2. Chương trình công tác quý bao gồm: nội dung các phiên họp thường kỳ hàng tháng của UBND tỉnh và danh mục báo cáo, đề án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và những vấn đề cần trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trong quý (có chia thành từng tháng).

3. Chương trình công tác tuần là lịch làm việc của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh theo từng ngày trong tuần.

UBND tỉnh chỉ thảo luận và giải quyết những nội dung công việc có trong chương trình công tác của UBND tỉnh (trừ trường hợp đột xuất, cấp bách do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định).

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm xin ý kiến lãnh đạo UBND tỉnh để xây dựng Chương trình công tác tuần kế tiếp, hoàn thành trước 15h00 chiều thứ Sáu hàng tuần.

Điều 12. Trình tự xây dựng Chương trình công tác của UBND tỉnh

1. Chương trình công tác năm:

a) Chậm nhất vào ngày 15 tháng 11 hàng năm, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn và cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức khác gửi Văn phòng UBND tỉnh danh mục những đề án, dự thảo văn bản cần trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trong năm tới. Danh mục phải thể hiện rõ: tên đề án, văn bản dự thảo, cơ quan chủ trì soạn thảo, cấp quyết định (UBND, Chủ tịch UBND), cơ quan phối hợp soạn thảo, thời hạn trình (ghi cụ thể trình đề án vào tháng nào trong năm);

b) Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, xây dựng dự thảo chương trình công tác năm của UBND tỉnh; chậm nhất vào ngày 25 tháng 11 gửi xin ý kiến thành viên UBND tỉnh và các cơ quan có liên quan;

c) Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được dự thảo chương trình công tác của UBND tỉnh, các đối tượng lấy ý kiến phải có ý kiến chính thức bằng văn bản gửi Văn phòng UBND tỉnh để hoàn chỉnh, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định;

d) Trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày UBND tỉnh thông qua chương trình công tác năm, Văn phòng UBND tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định việc ban hành và gửi các thành viên UBND tỉnh, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện.

2. Chương trình công tác quý:

a) Vào tháng cuối của mỗi quý (tháng 3, 6, 9), các cơ quan phải đánh giá tình hình thực hiện chương trình công tác quý đó, rà soát lại các vấn đề cần trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh vào quý tiếp theo đã ghi trong chương trình

công tác năm và bổ sung các vấn đề mới phát sinh để xây dựng chương trình công tác quý sau.

Chậm nhất vào ngày 15 của tháng cuối quý, các cơ quan gửi dự kiến chương trình quý sau đến Văn phòng UBND tỉnh.

b) Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, xây dựng dự thảo chương trình công tác quý của UBND tỉnh (các vấn đề được chia theo các lĩnh vực của Chủ tịch và từng Phó Chủ tịch xử lý, có chia thành các nhóm công việc của từng tháng trong quý), trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Chậm nhất vào ngày 25 của tháng cuối quý, Văn phòng UBND tỉnh phải gửi chương trình công tác quý sau cho các cơ quan liên quan biết, thực hiện.

3. Chương trình công tác tuần:

Căn cứ chương trình công tác và chỉ đạo của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Chánh Văn phòng UBND tỉnh xây dựng lịch công tác tuần của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định và thông báo (qua Văn phòng điện tử) cho các cơ quan liên quan biết chậm nhất trước 15h00 chiều thứ Sáu tuần trước.

Các ngành, các cấp, các tổ chức khi có yêu cầu làm việc với Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh để giải quyết công việc trong tuần, phải có văn bản đăng ký với Chánh Văn phòng UBND tỉnh, chậm nhất vào chiều thứ Tư tuần trước (trừ trường hợp đột xuất).

4. Khi cần thiết, Văn phòng UBND tỉnh phối hợp, trao đổi với Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh để xây dựng lịch công tác của UBND tỉnh, của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh.

5. Việc điều chỉnh chương trình công tác của UBND tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

6. Văn phòng UBND tỉnh là cơ quan quản lý chương trình công tác của UBND tỉnh, có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh trong việc xây dựng, điều chỉnh và đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện. Khi có sự điều chỉnh chương trình công tác, Văn phòng UBND tỉnh phải thông báo kịp thời cho các thành viên UBND tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan biết.

Điều 13. Theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện chương trình công tác

1. Hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng và năm, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn và cơ quan thuộc UBND tỉnh rà soát, kiểm điểm việc thực hiện các đề án đã ghi trong chương trình công tác; thông báo bằng văn bản đến Văn phòng UBND tỉnh tiến độ, kết quả xử lý các đề án, công việc do cơ quan mình chủ trì, các đề án, công việc còn tồn đọng, hướng xử lý tiếp theo; đồng thời điều chỉnh, bổ sung các đề án, công việc trong Chương trình công tác thời gian tới.

2. Văn phòng UBND tỉnh giúp UBND tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc chuẩn bị các đề án của các cơ quan chuyên môn và cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, tổ chức khác; hàng tháng tổng hợp báo cáo tại phiên họp thành viên UBND tỉnh kết quả việc thực hiện chương trình công tác của UBND tỉnh. Thống kê cụ thể các cơ quan chuyên môn và cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện nào thực hiện tốt, chưa tốt chương trình công tác theo thời điểm báo cáo định kỳ quy định tại Điều 49 của Quy chế này về trách nhiệm thông tin, báo cáo.

Chương IV **PHIÊN HỌP ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Điều 14. Phiên họp UBND tỉnh

1. UBND tỉnh tổ chức họp mỗi tháng một lần vào thời điểm trong tuần đầu của tháng. Trường hợp cần thiết tổ chức phiên họp giải quyết công việc phát sinh đột xuất.

UBND tỉnh họp giải quyết công việc phát sinh đột xuất theo quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc theo yêu cầu của ít nhất 1/3 tổng số thành viên UBND tỉnh. Văn phòng UBND tỉnh thông báo trước cho các thành viên UBND tỉnh ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày phiên họp bắt đầu.

2. Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì phiên họp UBND tỉnh. Khi Chủ tịch vắng mặt sẽ ủy quyền cho Phó Chủ tịch chủ trì phiên họp.

3. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì việc thảo luận từng đề án trình UBND tỉnh, theo lĩnh vực được phân công tại phiên họp.

4. Phiên họp UBND tỉnh chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 tổng số thành viên của UBND tỉnh tham dự.

Điều 15. Công tác chuẩn bị phiên họp UBND tỉnh

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định cụ thể ngày họp, khách mời và chương trình, nội dung phiên họp.

2. Văn phòng UBND tỉnh có nhiệm vụ:

- a) Thẩm tra về trình tự, thủ tục hồ sơ, đề án trình tại phiên họp;
- b) Chuẩn bị nội dung, chương trình, thành phần tham dự, thời gian họp, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định;

Chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc, trước ngày phiên họp bắt đầu, Văn phòng UBND tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định chính thức nội dung, chương trình, thời gian họp, thành phần tham dự phiên họp và thông báo cho các thành viên UBND tỉnh.

c) Đơn đốc Thủ trưởng cơ quan có đề án trình trong phiên họp gửi hồ sơ đề án và các văn bản liên quan.

Chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc, trước ngày phiên họp bắt đầu, chủ đề án phải gửi tài liệu đã được Chủ tịch UBND tỉnh xem xét và cho trình trong phiên họp đến Văn phòng UBND tỉnh. Số lượng tài liệu trình UBND tỉnh xem xét tại phiên họp do Chánh Văn phòng UBND tỉnh quyết định.

d) Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm gửi giấy mời và tài liệu họp đến các thành viên UBND tỉnh và đại biểu được mời họp, ít nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp (trừ trường hợp họp chuyên đề);

đ) Trường hợp thay đổi ngày họp, Văn phòng UBND tỉnh sẽ thông báo đến thành viên UBND tỉnh và các đại biểu được mời họp ít nhất 01 ngày, trước ngày phiên họp bắt đầu;

e) Chánh Văn phòng UBND tỉnh ký giấy mời họp thành viên UBND tỉnh.

3. Việc triệu tập, chuẩn bị, tổ chức họp và các nội dung khác liên quan đến phiên họp chuyên đề, được thực hiện như phiên họp thường kỳ. Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Điều 16. Thành phần dự phiên họp UBND tỉnh

1. Thành viên UBND tỉnh có trách nhiệm tham dự đầy đủ các phiên họp UBND tỉnh, nếu vắng mặt phải báo cáo bằng văn bản và phải được Chủ tịch UBND tỉnh đồng ý. Thành viên UBND tỉnh đồng thời là Thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh trong trường hợp đặc biệt có thể ủy nhiệm cấp phó của sở, ngành dự họp thay nếu được Chủ tịch UBND tỉnh đồng ý và phải chịu trách nhiệm về ý kiến của người mình ủy nhiệm phát biểu trong phiên họp. Người dự họp thay được phát biểu ý kiến, nhưng không có quyền biểu quyết.

2. Tùy theo nội dung cuộc họp, khi cần thiết, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét đề mời Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và lãnh đạo các đơn vị có liên quan tham dự.

Điều 17. Trình tự phiên họp UBND tỉnh

Phiên họp UBND tỉnh được tiến hành theo trình tự sau:

1. Chánh Văn phòng UBND tỉnh báo cáo số thành viên UBND tỉnh có mặt, vắng mặt, những người dự họp thay và đại biểu tham dự; thông báo ý kiến của Chủ tịch UBND tỉnh về chương trình và nội dung phiên họp.

2. Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì, điều khiển hoặc phân công Phó Chủ tịch UBND tỉnh điều khiển phiên họp.

3. UBND tỉnh thảo luận từng vấn đề theo trình tự:

a) Tình hình kinh tế - xã hội tháng qua và kế hoạch, công việc điều hành cụ thể của tháng tới;

b) Thủ trưởng cơ quan chủ trì đề án trình bày tóm tắt (không đọc toàn văn) đề án, nêu rõ những vấn đề cần xin ý kiến UBND tỉnh; nếu vấn đề cần xin ý kiến đã được thuyết minh rõ trong văn bản trình thì không phải trình bày lại;

c) Trường hợp nội dung đề án cần thông qua là văn bản quy phạm pháp luật thì phải có ý kiến của Sở Tư pháp;

d) Các thành viên UBND tỉnh thảo luận, nói rõ tán thành hay không tán thành nội dung nào trong đề án. Các đại biểu được mời dự họp được tham gia phát biểu phân tích, đánh giá, nhận xét về đề án;

đ) Thủ trưởng cơ quan chủ trì đề án phát biểu ý kiến tiếp thu và giải trình những điểm chưa nhất trí, các câu hỏi của các thành viên UBND tỉnh và các đại biểu dự họp;

e) Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì thảo luận từng đề án theo lĩnh vực được phân công, chủ tọa phiên họp kết luận và lấy ý kiến biểu quyết. Các quyết định của UBND tỉnh phải được đa số thành viên UBND tỉnh dự họp biểu quyết tán thành;

g) Đối với những vấn đề phức tạp, còn có nhiều ý kiến khác nhau, chưa thể quyết định được, chủ trì có thể đề nghị UBND tỉnh chưa thông qua đề án và yêu cầu chuẩn bị thêm.

4. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu thành viên UBND tỉnh hoặc Thủ trưởng các cơ quan khác trình UBND tỉnh báo cáo về một số vấn đề liên quan, ngoài các báo cáo định kỳ đã quy định. Văn phòng UBND tỉnh phải thông báo trước đến thành viên UBND tỉnh và thủ trưởng các cơ quan có trách nhiệm trình báo cáo đó.

5. Chủ tọa phiên họp kết luận phiên họp UBND tỉnh.

Điều 18. Kết luận phiên họp thành viên UBND tỉnh

1. Chánh Văn phòng UBND tỉnh tổ chức việc ghi âm nội dung phiên họp của UBND tỉnh để lưu trữ.

2. Sau mỗi phiên họp, nội dung phiên họp được cụ thể hóa thành Thông báo Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại phiên họp, gửi thành viên UBND tỉnh và các sở, ngành, địa phương, tổ chức, đơn vị liên quan để tổ chức thực hiện; đồng thời, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Bản ghi âm phiên họp và các tài liệu lưu hành trong phiên họp được lưu trữ theo quy định, được bảo quản và sử dụng theo chế độ mật. Việc khai thác, sử dụng bản ghi âm phiên họp do Chánh Văn phòng UBND tỉnh quyết định.

Chương V

GIẢI QUYẾT CÁC CÔNG VIỆC THƯỜNG XUYỀN CỦA CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH

Điều 19. Cách thức giải quyết công việc thường xuyên của Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh

1. Đối với dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật và các đề án, dự án, báo cáo lớn, quan trọng thuộc chương trình công tác: Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, xử lý trên cơ sở toàn bộ hồ sơ, nội dung trình, dự thảo văn bản của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh chủ trì soạn thảo, ý kiến của cơ quan thẩm định, cơ quan liên quan và ý kiến thẩm định của Văn phòng UBND tỉnh.

2. Đối với các công việc thường xuyên khác thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh, trừ các công việc quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, xử lý trên cơ sở đề xuất của cơ quan, tổ chức, cá nhân có đề nghị và toàn bộ hồ sơ, nội dung trình, kiến nghị và dự thảo văn bản sẽ do Văn phòng UBND tỉnh chủ trì chuẩn bị. Trong trường hợp vấn đề trình còn có ý kiến khác nhau, Chánh Văn phòng UBND tỉnh có thể tổ chức cuộc họp gồm đại diện có thẩm quyền của các sở, ngành tỉnh, cơ quan có liên quan để thống nhất ý kiến trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

b) Trong trường hợp khẩn cấp phải xử lý vụ việc đặc biệt quan trọng, Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo trực tiếp hoặc xử lý công việc trên cơ sở hồ sơ, tài liệu trình của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan mà không nhất thiết phải có Phiếu trình của Văn phòng UBND tỉnh. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục để ban hành văn bản và lưu hồ sơ theo quy định. Nếu phát hiện có vướng mắc, chưa phù hợp thì báo cáo lại Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh xem xét.

3. Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì họp (hoặc Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền một thành viên UBND tỉnh chủ trì) để giải quyết những công việc chưa xử lý ngay được trên cơ sở hồ sơ trình nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 20. Trách nhiệm trong việc chuẩn bị đề án, hồ sơ công việc

1. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh:

a) Đối với các đề án là văn bản quy phạm pháp luật, các đề án, báo cáo lớn thuộc chương trình công tác của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh:

- Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh chủ trì chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung, thời hạn và hồ sơ trình. Chủ động phối hợp với sở, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện đầy đủ, đúng trình tự thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Quyết định số 1614/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp xây dựng, ban hành, kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

- Thủ trưởng các cơ quan phối hợp có trách nhiệm cử người tham gia theo đề nghị của chủ đề án. Người đại diện của cơ quan phối hợp phải có trách nhiệm tham gia xây dựng đề án và kịp thời báo cáo, xin ý kiến Thủ trưởng cơ quan mình trong quá trình tham gia xây dựng đề án;

- Cơ quan được phân công thẩm định cử người tham gia trong suốt quá trình xây dựng đề án. Tổ chức việc thẩm định đề án, văn bản trước khi Thủ trưởng cơ quan chủ trì chính thức ký trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh. Thời hạn thẩm định không được vượt quá thời hạn cho phép.

b) Đối với các công việc thường xuyên khác (ngoài các đề án, công việc quy định tại điểm a khoản 1 Điều này):

- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, cơ quan, tổ chức, cá nhân chỉ trình Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết các công việc đúng quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch UBND tỉnh. Văn bản, tờ trình phải đầy đủ nội dung, rõ ràng, ý kiến trình phải cụ thể, đúng trọng tâm, có cơ sở pháp lý, thực tiễn, kèm theo hồ sơ tài liệu, ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có);

- Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, cơ quan có liên quan khi được Văn phòng UBND tỉnh lấy ý kiến, phải trả lời bằng văn bản nêu rõ đồng ý, không đồng ý hay có ý kiến khác về các nội dung liên quan.

2. Trách nhiệm của Văn phòng UBND tỉnh trong việc kiểm tra hồ sơ

a) Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, kiểm tra suốt quá trình xây dựng đề án theo quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều này. Thường xuyên phối hợp với cơ quan chủ trì, đơn đốc, kiểm tra quá trình chuẩn bị đề án, tham gia ý kiến để bảo đảm việc chuẩn bị đề án đúng tiến độ, đúng trình tự, thủ tục, khách quan, đúng chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh. Đơn đốc cơ quan thẩm định thực hiện nhiệm vụ. Trực tiếp kiểm tra về trình tự, thủ tục và tham mưu tổng hợp về nội dung trình (bao gồm cả về thủ tục hành chính). Gửi Phiếu lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh về các đề án trình UBND tỉnh;

b) Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm chủ trì, kiểm tra, phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục và dự thảo văn bản cần ban hành (đối với các công việc thường xuyên khác quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này) để trình Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Điều 21. Thủ tục gửi công văn, tờ trình và hồ sơ trình giải quyết công việc

1. Thủ tục gửi công văn, tờ trình

a) Công văn, tờ trình trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh để đề nghị giải quyết công việc phải có nội dung rõ ràng và đúng thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh. Nếu là văn bản của sở, ban, ngành tỉnh, cơ quan, tổ chức thì phải được ký tên và đóng dấu đúng quy định;

b) Đối với các đề án trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh mà theo quy định của pháp luật yêu cầu phải có hồ sơ kèm theo thì phải tuân theo quy định đó. Đối với các đề án mà pháp luật chưa quy định về hồ sơ kèm theo thì thủ tục gồm:

- Tờ trình trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, trong đó nêu rõ nội dung chính của đề án, luận cứ của các kiến nghị, các ý kiến khác nhau;
- Văn bản của cơ quan thẩm định đề án theo quy định của pháp luật;
- Đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật nếu có quy định về thủ tục hành chính;
- Báo cáo giải trình việc tiếp thu ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, kể cả ý kiến thẩm định;
- Dự thảo văn bản chính và dự thảo văn bản hướng dẫn thi hành (nếu có). Nội dung các dự thảo phải rõ ràng, cụ thể để khi văn bản chính được thông qua, có thể thực hiện được ngay;
- Kế hoạch tổ chức thực hiện khi đề án được thông qua, khi văn bản được ban hành;
- Các tài liệu cần thiết khác (Biên bản ghi nhận các ý kiến khác...).

c) Đối với các cơ quan, tổ chức không thuộc hệ thống hành chính nhà nước thì thực hiện thủ tục gửi công văn theo quy định hiện hành của pháp luật về công tác văn thư. Cơ quan, tổ chức nước ngoài có thể thực hiện thủ tục gửi công văn theo thông lệ quốc tế;

d) Hồ sơ trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phải được Văn phòng UBND tỉnh lập danh mục theo dõi quá trình xử lý và được lưu trữ có hệ thống.

2. Hồ sơ trình giải quyết công việc:

Hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết công việc gồm có:

a) Phiếu trình giải quyết công việc (theo mẫu thống nhất) của Văn phòng UBND tỉnh. Phiếu trình chỉ trình Lãnh đạo Văn phòng, Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực có liên quan;

b) Tờ trình của cơ quan trình (đối với cơ quan chức năng chuyên ngành khi xử lý công việc theo chức năng, nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh hoặc Chủ tịch UBND tỉnh, thì Tờ trình có thể kèm theo văn bản của cơ quan, đơn vị không phải là cơ quan trình đề nghị);

c) Dự thảo văn bản trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh ký và các dự thảo văn bản hướng dẫn thi hành (nếu có);

d) Báo cáo thẩm định của cơ quan chức năng (nếu có);

- đ) Ý kiến của các cơ quan liên quan đến vấn đề trình (nếu có);
- e) Bản tổng hợp ý kiến và giải trình về nội dung dự thảo văn bản (nếu có);
- g) Những văn bản làm cơ sở pháp lý để trình;
- h) Các tài liệu khác có liên quan (báo cáo, ảnh, văn bản của UBND các tỉnh, thành phố khác..., để tham khảo).

Điều 22. Văn phòng UBND tỉnh tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ trình

1. Văn phòng UBND tỉnh chỉ tiếp nhận đề trình Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh những đề án, công việc thuộc phạm vi, trách nhiệm và thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Văn phòng UBND tỉnh tổ chức kiểm tra các dự thảo đề án, văn bản do các sở, ban, ngành tỉnh soạn thảo trước khi trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định trên cơ sở bảo đảm yêu cầu về thẩm quyền, nội dung, thể thức, hình thức và đúng trình tự, thủ tục quy định.

3. Đối với các văn bản của các cơ quan, đơn vị gửi không đúng địa chỉ, không đúng chức năng, thẩm quyền, sai thể thức, không đủ thủ tục quy định, không có tệp (file) văn bản gửi kèm, Văn phòng UBND điện thoại thông báo cơ quan, đơn vị thực hiện sai quy định trực tiếp đến nhận lại văn bản về để thực hiện cho đúng và có đính kèm phiếu xác nhận kết quả do lãnh đạo Văn phòng ký (Văn phòng UBND tỉnh không gửi lại qua bưu điện).

4. Đối với các dự án văn bản quy phạm pháp luật, các đề án, báo cáo lớn thuộc chương trình công tác của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh:

a) Chậm nhất trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và đúng thủ tục, Văn phòng UBND tỉnh tiến hành kiểm tra về trình tự, thủ tục và tham mưu tổng hợp về nội dung (bao gồm cả thủ tục hành chính), hoàn chỉnh phiếu trình. Ý kiến kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh được thể hiện trong phiếu trình hoặc làm thành văn bản riêng, nhận xét rõ về trình tự, thủ tục, nội dung đề án, văn bản, thủ tục hành chính, kể cả việc giải trình tiếp thu ý kiến của cơ quan thẩm định và các cơ quan liên quan, nêu kiến nghị cụ thể của Văn phòng UBND tỉnh.

Nội dung kiến nghị cụ thể là:

- Đề nghị ký ban hành hay không ký ban hành (nếu công việc thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh);
- Xin phép gửi Phiếu lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh đối với việc thuộc thẩm quyền UBND tỉnh khi dự thảo đã có sự thống nhất cơ bản giữa cơ quan chủ trì, cơ quan thẩm định và các cơ quan liên quan;

- Đề nghị đưa ra phiên họp UBND tỉnh hoặc cuộc họp của Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh để cho ý kiến nếu dự thảo còn nhiều ý kiến khác nhau giữa cơ quan chủ trì, cơ quan thẩm định và các cơ quan liên quan;

- Đề nghị trả lại và giao cơ quan chủ trì chuẩn bị thêm khi dự thảo chuẩn bị chưa đạt yêu cầu, sai quy trình, không đúng phạm vi, không đúng định hướng chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm về ý kiến đề xuất của mình, không phải chịu trách nhiệm về nội dung văn bản do cơ quan chủ trì đã trình và không trực tiếp sửa chữa vào văn bản đó (trừ trường hợp hoàn chỉnh hình thức, văn phong, bổ sung, cập nhật thông tin chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh nhưng không làm thay đổi nội dung chính, để trình UBND tỉnh ban hành);

c) Khi Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu thay đổi nội dung dự thảo văn bản đã trình thì Văn phòng UBND tỉnh chuyển hồ sơ cho cơ quan chủ trì thực hiện và trình lại;

d) Văn phòng UBND tỉnh thông báo bằng văn bản khi trả lại hoặc chuyển hồ sơ trong các trường hợp quy định tại điểm a, điểm c khoản này.

5. Đối với các công việc thường xuyên khác trừ các công việc quy định tại khoản 4 Điều này:

a) Nếu hồ sơ công việc trình không thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh, thì tùy từng trường hợp cụ thể trong thời gian không quá 02 (hai) ngày làm việc, Văn phòng UBND tỉnh trả lại nơi gửi và nêu rõ lý do; hoặc chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết và thông báo cho cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan biết;

b) Nếu hồ sơ công việc trình là đúng thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh:

- Đối với các trường hợp đã được cung cấp đủ hồ sơ hoặc nội dung vấn đề trình đã rõ ràng, không cần lấy thêm ý kiến các cơ quan liên quan thì trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Văn phòng UBND tỉnh xử lý, có ý kiến đề xuất (kiến nghị rõ đồng ý hoặc không đồng ý) để Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định;

- Đối với các trường hợp chưa được cung cấp đủ hồ sơ, cần lấy ý kiến các cơ quan liên quan: trong thời gian không quá 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Văn phòng UBND tỉnh có văn bản đề nghị cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh chủ trì xử lý, hoàn chỉnh thủ tục, hồ sơ và chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung trình Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh.

Chậm nhất trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi Chủ tịch UBND tỉnh, Văn phòng UBND

tỉnh phải hoàn chỉnh hồ sơ và Phiếu trình, trình Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh quyết định. Phiếu trình giải quyết công việc phải thể hiện rõ, đầy đủ và trung thực ý kiến của các cơ quan, kể cả các ý kiến khác nhau và ý kiến của cơ quan đề nghị sau khi Văn phòng UBND tỉnh đã trao đổi lại, ý kiến đề xuất của chuyên viên trực tiếp theo dõi, lãnh đạo phòng và lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh. Phiếu trình giải quyết công việc phải kèm theo đầy đủ hồ sơ và dự thảo văn bản cần ban hành.

Đối với các nội dung quan trọng, phức tạp hoặc liên quan đến cơ chế, chính sách phải chuẩn bị thêm thì Văn phòng UBND tỉnh đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, giao cho Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, cơ quan chuyên ngành chủ trì chuẩn bị để trình.

c) Đối với các công việc cấp bách, cần xử lý gấp hoặc những công việc Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo trực tiếp, Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện trong thời gian nhanh nhất, không nhất thiết phải tuân theo trình tự, thủ tục quy định tại điểm a, điểm b khoản này. Sau khi xử lý, Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan hoàn thiện thủ tục, hồ sơ theo quy định.

Điều 23. Xử lý hồ sơ trình và thông báo kết quả

1. Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh xử lý hồ sơ trình và có ý kiến chính thức vào Phiếu trình giải quyết công việc của Văn phòng UBND tỉnh trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày Văn phòng UBND tỉnh trình.

2. Khi xử lý hồ sơ trình, đối với các đề án, công việc mà Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh thấy cần phải tổ chức họp trước khi quyết định, Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan chuẩn bị đầy đủ nội dung và tổ chức để Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh họp.

Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh có thể ủy quyền cho Chánh Văn phòng UBND tỉnh hoặc một thành viên khác của UBND tỉnh chủ trì các cuộc họp này và báo cáo bằng văn bản về kết quả cuộc họp với Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Đối với các vấn đề thuộc phạm vi quyết định của tập thể UBND tỉnh quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh xem xét nội dung và tính chất của từng vấn đề để quyết định:

a) Đưa ra thảo luận tại phiên họp UBND tỉnh;

b) Giao Văn phòng UBND tỉnh gửi phiếu lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh trên cơ sở thống nhất với cơ quan chủ trì soạn thảo về nội dung cần xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến phải được gửi cùng toàn bộ hồ sơ, văn bản kể cả văn bản

của cơ quan thẩm định và ý kiến của Văn phòng UBND tỉnh với nội dung như quy định tại Điểm a, Khoản 4 Điều 22 của Quy chế này. Cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến thành viên UBND tỉnh. Nếu đa số thành viên UBND tỉnh đồng ý thì cơ quan chủ trì hoàn chỉnh văn bản trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định. Nếu chưa được đa số đồng ý thì phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh chuẩn bị lại để trình UBND tỉnh thảo luận tại phiên họp gần nhất. Trường hợp đa số ý kiến của thành viên đồng ý nhưng cơ quan chủ trì đề án thấy có vấn đề chưa phù hợp thì báo cáo lại với Chủ tịch UBND tỉnh; việc đưa ra UBND tỉnh thảo luận lại sẽ do Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Thời hạn thành viên UBND tỉnh trả lời Phiếu lấy ý kiến không quá 07 (bảy) ngày làm việc. Thời gian cơ quan chủ trì tiếp thu giải trình kết quả Phiếu lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh đến khi trình lại Chủ tịch UBND tỉnh trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày làm việc.

4. Đối với hồ sơ trình chưa đầy đủ, không đúng thủ tục hoặc không kiến nghị, đề xuất rõ phương án giải quyết, chậm nhất 02 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Văn phòng UBND tỉnh trả lại hồ sơ và nêu rõ lý do, đồng thời báo cáo Thường trực UBND tỉnh.

5. Căn cứ ý kiến quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh về nội dung trình, Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với cơ quan chủ trì hoàn chỉnh dự thảo văn bản để ký ban hành:

a) Các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phải được thể hiện thành văn bản do Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh ký.

b) Đối với các trường hợp không cần thiết phải ban hành văn bản của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh thì Văn phòng UBND tỉnh dự thảo công văn, thông báo, trình Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh duyệt trước khi Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh ký ban hành để các cơ quan liên quan biết, thực hiện.

6. Chậm nhất 15 (mười lăm) ngày làm việc đối với các công việc quy định tại khoản 1 Điều 19 của Quy chế này; 10 (mười) ngày làm việc đối với các công việc nêu tại Khoản 2 Điều 19 kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và đúng thủ tục của cơ quan trình, nếu chưa có quyết định cuối cùng của Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh thì Văn phòng UBND tỉnh thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trình biết rõ lý do.

7. Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ khi Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh ký văn bản hoặc có ý kiến chỉ đạo xử lý công việc, Chánh Văn phòng UBND tỉnh thực hiện việc ban hành và công bố văn bản theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Tổ chức các buổi họp, làm việc của Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh để xử lý công việc thường xuyên

1. Nguyên tắc chung, các cuộc họp do Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì, làm việc phải đảm bảo sự cần thiết, đúng thành phần (thủ trưởng dự hoặc cử cấp phó dự thay nếu được chủ trì cuộc họp đồng ý), tiết kiệm thời gian, chủ tọa cuộc họp có kết luận và các nội dung kết luận phải được triển khai ngay sau cuộc họp.

2. Hợp xử lý công việc thường xuyên:

Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức họp chuyên đề để xử lý công việc thường xuyên và những công việc phức tạp, cấp bách, liên quan đến ngành, lĩnh vực phụ trách.

Việc tổ chức cuộc họp của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh để xử lý công việc thường xuyên thực hiện theo Quy định về chế độ họp và các quy định có liên quan.

a) Trách nhiệm của Văn phòng UBND tỉnh:

- Văn phòng UBND tỉnh dự kiến nội dung, chương trình, thành phần, thời gian và địa điểm tổ chức họp, phân công các cơ quan liên quan chuẩn bị các báo cáo trình bày tại cuộc họp trình Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

- Khi được sự đồng ý của Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm gửi giấy mời cùng tài liệu họp đến các thành phần được mời trước ngày họp ít nhất 03 (ba) ngày làm việc (trường hợp đặc biệt có thể gửi tài liệu muộn hơn hoặc trong trường hợp khẩn cấp, có thể gửi thư mời hoặc điện thoại mời trực tiếp cận ngày họp).

- Chuẩn bị địa điểm và các điều kiện phục vụ, bảo đảm an toàn cho cuộc họp (có thể ghi âm); sau cuộc họp ban hành thông báo kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Trách nhiệm của chủ đề án:

- Dự họp đúng thành phần.

- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu họp theo thông báo của Văn phòng UBND tỉnh và trình bày tại cuộc họp (trình bày tóm tắt báo cáo và những vấn đề cần thảo luận).

- Chuẩn bị ý kiến giải trình về các vấn đề liên quan đến nội dung họp.

- Sau cuộc họp, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh hoàn chỉnh đề án và dự thảo thông báo kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh.

c) Trách nhiệm của cơ quan liên quan:

- Dự họp đúng thành phần được mời và được phát biểu ý kiến về những vấn đề liên quan. Trường hợp lãnh đạo cơ quan không thể dự họp thì phải báo

cáo người chủ trì họp và cử người đủ thẩm quyền thay mặt lãnh đạo cơ quan dự họp, phát biểu ý kiến.

3. Khi có yêu cầu, Chủ tịch UBND tỉnh sẽ họp hội ý hàng tuần giữa Chủ tịch UBND tỉnh, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh và Chánh Văn phòng UBND tỉnh:

a) Nội dung cuộc họp gồm những vấn đề, công việc mà Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh đã trao đổi thống nhất; những việc chưa xử lý được sau khi xem xét hồ sơ và phiếu trình hoặc qua cuộc họp của Chủ tịch UBND tỉnh, cuộc họp của Phó Chủ tịch UBND tỉnh;

b) Chánh Văn phòng UBND tỉnh dự các cuộc họp, hội ý của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh. Trường hợp cần thiết và được sự đồng ý của Chủ tịch UBND tỉnh thì Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh và thành phần khác (yêu cầu đích danh) sẽ được dự họp để trực tiếp báo cáo về nội dung công việc liên quan;

c) Tại cuộc họp, Chánh Văn phòng UBND tỉnh báo cáo các vấn đề cần xin ý kiến, nếu được mời dự họp thì chủ đề án có thể báo cáo giải trình thêm theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh. Chủ tịch UBND tỉnh và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh trao đổi ý kiến, Chủ tịch UBND tỉnh kết luận để xử lý dứt điểm từng vấn đề, công việc;

d) Cuộc họp được tiến hành ngày đầu của tuần, trừ khi có quyết định khác của Chủ tịch UBND tỉnh;

đ) Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm thực hiện các công việc theo quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều này.

4. Họp, làm việc với Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện:

a) Định kỳ tháng cuối quý, Thường trực UBND tỉnh chủ trì họp cụm với các địa phương 03 vùng của tỉnh (Trung tâm, Phía Đông và Phía Tây) đánh giá kết quả thực hiện kinh tế - xã hội, trọng tâm là tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho địa phương, nhất là các nội dung đã kiến nghị nhưng chậm được giải quyết, đồng thời phát huy những sáng kiến, mô hình hiệu quả hoặc những kinh nghiệm hay trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành.

b) Khi cần thiết, Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh triệu tập Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện họp bàn giải quyết các vấn đề liên quan đến các ngành, địa phương đó;

c) Việc tổ chức các cuộc họp, làm việc với Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện thực hiện theo quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều này.

5. Việc tổ chức định kỳ thông báo tình hình kinh tế - xã hội cho cán bộ nguyên là lãnh đạo tỉnh qua các thời kỳ sẽ thực hiện theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy khóa XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và sự phân công cụ thể của Thường trực Tỉnh ủy.

Điều 25. Tổ chức họp của các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện, mời Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh dự họp và làm việc

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện có quyền quyết định tổ chức các cuộc họp, hội nghị trong phạm vi quản lý của ngành, cấp mình để thảo luận về chức năng, nhiệm vụ, công tác chuyên môn hoặc tập huấn nghiệp vụ. Tất cả các cuộc họp, hội nghị phải có nội dung rõ ràng, thiết thực và được tổ chức ngắn gọn, tiết kiệm theo đúng quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, khi tổ chức hội nghị có nhu cầu mời lãnh đạo của nhiều cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, phải báo cáo xin ý kiến và được sự đồng ý của Chủ tịch UBND tỉnh về nội dung, thành phần, thời gian và địa điểm tổ chức hội nghị.

3. Các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện khi có nhu cầu mời Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh dự họp hoặc làm việc phải có văn bản đăng ký trước với Văn phòng UBND tỉnh để phối hợp chuẩn bị nội dung, bố trí lịch làm việc và phân công chuyên viên theo dõi, phục vụ. Đối với những vấn đề cấp bách, Chánh Văn phòng UBND tỉnh trực tiếp báo cáo và chủ động bố trí thời gian để Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm việc với cơ quan, đơn vị, xử lý kịp thời vấn đề phát sinh.

4. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện không cử hoặc ủy quyền cho chuyên viên báo cáo, làm việc với Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh, trừ trường hợp được Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh đồng ý hoặc triệu tập đích danh.

Chương VI

CHẾ ĐỘ HỌP ĐỐI VỚI UBND TỈNH; CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN, CƠ QUAN THUỘC UBND TỈNH VÀ UBND CẤP HUYỆN

Điều 26. Các trường hợp không tổ chức cuộc họp

1. Phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản chỉ đạo của cấp trên (trường hợp những văn bản quy định những chủ trương, chính sách lớn, quan trọng, những nhiệm vụ trọng tâm, cấp

bách về phát triển kinh tế - xã hội, phòng chống thiên tai, dịch bệnh đang diễn ra phức tạp, nguy hiểm thì khi cần thiết có thể tổ chức cuộc họp để quán triệt, tập huấn nhằm thống nhất nhận thức và hành động trong triển khai thực hiện).

2. Các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh và các phòng, ban cấp huyện không được triệu tập cuộc họp, hội nghị toàn ngành (có mời UBND cấp huyện, các sở, ban, ngành tỉnh hoặc UBND các xã, phường, thị trấn và các phòng, ban cấp huyện) để sơ kết, tổng kết thực hiện nhiệm vụ công tác ngành, trừ hội nghị tổng kết năm hoặc triển khai công việc cấp bách do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo.

3. Giải quyết những công việc thường xuyên trong tình hình có thiên tai, dịch bệnh hoặc tình trạng khẩn cấp. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch UBND tỉnh triệu tập họp khẩn để chỉ đạo ở nơi thích hợp về khắc phục thiên tai, dịch bệnh hoặc thảm họa khác.

4. Những việc cụ thể đã được ủy quyền hoặc phân công, phân cấp rõ thẩm quyền và trách nhiệm cho tổ chức hoặc cá nhân cấp dưới giải quyết.

5. Tổ chức lấy ý kiến của lãnh đạo các cơ quan, đơn vị ở các cấp, các ngành tham gia xây dựng, hoàn thiện các đề án, dự án, trừ trường hợp những đề án, dự án lớn, quan trọng liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của nhiều cơ quan, đơn vị.

6. Mời cơ quan, đơn vị trực thuộc để trực tiếp phân công, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ công tác hoặc để nghe báo cáo tình hình thay cho việc thực hiện chế độ đi công tác địa phương, cơ sở trực tiếp kiểm tra, giám sát theo quy định.

7. Trao đổi thông tin hoặc giao lưu học tập kinh nghiệm giữa các cơ quan, đơn vị.

8. Giải quyết những nội dung công việc mang tính chất chuyên môn, kỹ thuật hoặc để chuẩn bị trước cho việc tổ chức các cuộc họp, trừ những cuộc họp quan trọng.

9. Những việc đã được pháp luật quy định giải quyết bằng các cách thức khác không cần thiết phải thông qua cuộc họp.

Điều 27. Hợp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong cơ quan hành chính nhà nước

Các tổ chức nêu trên được tổ chức họp theo Điều lệ của tổ chức mình và phải bố trí phù hợp với tính chất và đặc điểm về tổ chức và hoạt động của mỗi cơ quan, đơn vị. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước không được sử dụng thời gian thực hiện chế độ tiếp công dân, trực tiếp xử lý khiếu nại của công dân theo quy định của pháp luật để chủ trì hoặc tham dự các cuộc họp. Không vì việc tổ chức họp của cơ quan, đơn vị mà làm chậm trễ, gây khó khăn,

phiên hà cho việc tiếp nhận và xử lý công việc của cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Thời gian tiến hành cuộc họp

1. Thời gian tiến hành một cuộc họp thuộc các loại cuộc họp dưới đây được quy định như sau:

- a) Họp tham mưu, tư vấn không quá một buổi làm việc;
- b) Họp chuyên môn, triển khai nhiệm vụ công tác bố trí trong một buổi làm việc, trường hợp đối với những đề án, dự án lớn, nhiều nội dung phức tạp thì có thể kéo dài thời gian hơn, nhưng cũng không quá 01 (một) ngày làm việc;
- c) Họp tổng kết công tác năm không quá 01 (một) ngày làm việc.
- d) Họp sơ kết, tổng kết chuyên đề từ 01 (một) buổi đến 01 (một) ngày làm việc tùy theo tính chất và nội dung của chuyên đề;
- đ) Họp tập huấn được bố trí thời gian phù hợp tùy theo tính chất và nội dung vấn đề.

2. Các loại cuộc họp khác thì tùy theo tính chất và nội dung mà bố trí thời gian tiến hành hợp lý, nhưng không quá 01 (một) ngày làm việc.

Trước khi bắt đầu cuộc họp, đơn vị tổ chức họp lập danh sách cơ quan, tổ chức dự họp và báo cáo chủ tọa buổi họp.

Điều 29. Trách nhiệm của đơn vị chuẩn bị cuộc họp

1. Nội dung các cuộc họp phải được cơ quan, đơn vị được phân công chuẩn bị kỹ, đầy đủ, chu đáo, đúng yêu cầu và thời gian; tài liệu gửi Văn phòng UBND tỉnh trước 03 (ba) ngày làm việc để báo cáo UBND tỉnh.

Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện (hoặc cấp phó) trực tiếp báo cáo, trình bày ngắn gọn, rõ ràng các vấn đề trọng tâm và các vấn đề cần xin ý kiến đại biểu dự họp và ý kiến kết luận chỉ đạo của chủ trì cuộc họp.

2. Đối với các cuộc hội thảo, hội nghị có mời lãnh đạo UBND tỉnh, đơn vị chủ trì tổ chức hội thảo, hội nghị phải dự thảo bài phát biểu của lãnh đạo UBND tỉnh gửi Văn phòng UBND tỉnh trước 05 (năm) ngày làm việc, sau đó Văn phòng UBND tỉnh hoàn thiện và gửi bài phát biểu cho lãnh đạo UBND tỉnh trước ngày diễn ra hội thảo, hội nghị là 03 (ba) ngày làm việc.

Điều 30. Trách nhiệm của người tham dự cuộc họp, hội nghị

1. Trước khi tham dự các cuộc họp, hội nghị, người tham dự phải tự nghiên cứu tài liệu đã gửi trước (nếu có), đồng thời, chuẩn bị ý kiến phát biểu ngắn gọn, đúng trọng tâm, gắn với ngành, lĩnh vực mình quản lý, phụ trách. Đối với các cuộc họp, hội nghị sơ kết, tổng kết của Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ trì hội

ng nghị sẽ chủ động mời đại diện các đơn vị tham gia phát biểu mà không có phân công hoặc chỉ định trước.

2. Phải đi dự họp đúng thành phần (người có đủ thẩm quyền, đáp ứng nội dung và yêu cầu cuộc họp, trường hợp cuộc họp do Thường trực UBND tỉnh chủ trì thì phải cử người đứng đầu hoặc cấp phó dự nếu được chủ trì cuộc họp đồng ý), đến họp đúng giờ và tham dự hết thời gian của cuộc họp. Chỉ trong trường hợp vì những lý do đột xuất, cấp thiết và được sự đồng ý của người chủ trì thì người tham dự mới có thể rời cuộc họp trước khi cuộc họp kết thúc.

3. Khi dự họp, hội nghị không sử dụng điện thoại di động vào việc riêng, đọc báo, hạn chế trao đổi riêng trong phòng họp, hội nghị. Điện thoại phải để ở chế độ rung, khi thật sự cần thiết sử dụng điện thoại thì nên trao đổi nhanh, gọn bên ngoài phòng họp, hội nghị (trường hợp dự các cuộc họp trực tuyến Chính phủ, phải tuân thủ chế độ bảo mật theo quy định).

4. Trình bày ý kiến tham gia hoặc tranh luận tại cuộc họp phải ngắn gọn, có nội dung rõ ràng và không vượt quá thời gian cho phép.

5. Trong trường hợp được cử dự họp thay, người dự họp thay có trách nhiệm báo cáo kết quả cuộc họp cho thủ trưởng cơ quan, đơn vị cử dự họp.

6. Sau các cuộc họp, hội nghị, phải chủ động triển khai thực hiện ngay các kết luận của UBND tỉnh, của Chủ tịch UBND tỉnh liên quan ngành, đơn vị mình (chú ý, đối với những trường hợp cấp bách phải xử lý ngay thì không nhất thiết phải chờ thông báo của UBND tỉnh) và có phân công cán bộ chuyên trách theo dõi, cập nhật tiến độ các công việc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo cho ngành, đơn vị, kể cả tiến độ quy định trong chương trình công tác năm của UBND tỉnh được phân ra hàng quý, tháng. Trường hợp thực hiện chậm hoặc không thực hiện được phải kịp thời báo cáo rõ lý do và đề xuất cụ thể để UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

7. Khi tham dự kỳ họp do Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức (thường kỳ hoặc chuyên đề), Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh phải tham dự đầy đủ, xuyên suốt theo thư mời, nếu vắng phải có báo cáo bằng văn bản gửi Chủ tịch UBND tỉnh và phải cử cấp phó dự thay. Đối với những đơn vị được UBND tỉnh phân công, ủy quyền trình bày tờ trình, trả lời ý kiến, chất vấn thì Thủ trưởng đơn vị đó trực tiếp thực hiện, không được ủy quyền cấp phó.

8. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện phải tham dự các cuộc họp, làm việc với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương theo thư mời của Chủ tịch UBND tỉnh. Trường hợp vắng mặt, phải có báo cáo bằng văn bản gửi Chủ tịch UBND tỉnh và chỉ được cử cấp phó dự thay sau khi được sự chấp thuận của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 31. Thông báo kết quả cuộc họp

1. Chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc sau ngày kết thúc cuộc họp, cơ quan, đơn vị được giao trách nhiệm phải dự thảo thông báo bằng văn bản kết luận cuộc họp và trình ban hành; trường hợp dự thảo thông báo kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh cần được gửi lấy ý kiến lãnh đạo UBND tỉnh và/hoặc các cơ quan chuyên môn liên quan thì thời hạn ban hành thông báo kết luận không quá 05 ngày làm việc, trừ trường hợp có ý kiến chỉ đạo khác của Chủ tịch UBND tỉnh.

Văn bản thông báo kết quả cuộc họp bao gồm những nội dung chính sau đây:

a) Ý kiến kết luận của người chủ trì cuộc họp về các vấn đề được đưa ra tại cuộc họp;

b) Quyết định của người có thẩm quyền được đưa ra tại cuộc họp về việc giải quyết các vấn đề có liên quan và phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện.

2. Văn bản thông báo kết quả cuộc họp không thay thế cho việc ra văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản cá biệt của thủ trưởng cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật để giải quyết các vấn đề liên quan được quyết định tại cuộc họp.

Chương VII **THỦ TỤC TRÌNH, BAN HÀNH VĂN BẢN**

Điều 32. Thủ tục gửi văn bản, trình giải quyết công việc

1. Tất cả các công văn, tờ trình, đơn thư gửi đến UBND, Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh phải làm thủ tục vào sổ văn thư của Văn phòng UBND tỉnh (đóng dấu công văn đến hoặc lập phiếu trình giải quyết công việc, vào sổ văn thư theo dõi, lưu trữ...). Trường hợp Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh, lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh và cán bộ, chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh nhận trực tiếp hoặc nhận qua đường bưu điện, phải chuyển lại cho Phòng Hành chính - Tổ chức để làm thủ tục vào sổ văn thư của Văn phòng UBND tỉnh. Việc phát, chuyển công văn, tờ trình, đơn thư phải có ý kiến của lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh trước khi chuyển đến địa chỉ xử lý theo thẩm quyền.

Văn phòng UBND tỉnh tổ chức lập danh mục công văn, tờ trình theo vấn đề, nội dung các cơ quan, đơn vị để theo dõi, đôn đốc quá trình xử lý.

2. Các tờ trình, công văn của các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, các tổ chức, đoàn thể ở địa phương trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh phải nêu luận cứ, quan điểm, chính kiến, đề xuất cụ thể để UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Văn bản trình phải do cấp trưởng (hoặc ủy quyền cho cấp phó) ký và đóng dấu đúng thẩm quyền (phải gửi kèm file dự thảo nội dung đối với các

quyết định, quy chế, quy định, chương trình, kế hoạch ... qua phần mềm Văn phòng điện tử của UBND tỉnh).

3. Trường hợp nội dung trình có liên quan đến chức năng của các cơ quan khác, trong hồ sơ trình phải có ý kiến cụ thể bằng văn bản của các cơ quan liên quan. Nếu đã có công văn lấy ý kiến (tối đa là 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản, hoặc theo thời gian quy định tại văn bản gửi lấy ý kiến) nhưng các cơ quan liên quan chưa trả lời, trong hồ sơ trình phải báo cáo rõ danh sách các cơ quan chưa có ý kiến.

4. Các công văn, tờ trình, trình giải quyết công việc phải là bản chính và chỉ gửi một bản đến một địa chỉ có thẩm quyền xử lý. Nếu cần gửi đến các cơ quan có liên quan để báo cáo hoặc phối hợp thì chỉ ghi tên cơ quan đó ở phần nơi nhận văn bản.

5. Các cơ quan, tổ chức khác không thuộc phạm vi quản lý hành chính của UBND tỉnh, thủ tục gửi văn bản đến UBND thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về công tác văn thư và các quy định pháp luật khác có liên quan. Thủ tục gửi công văn của cơ quan, tổ chức nước ngoài đến UBND tỉnh thực hiện theo quy định của Chính phủ về thông lệ quốc tế.

Điều 33. Quy định về việc ký văn bản

1. Chủ tịch UBND tỉnh ký:

- a) Các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh;
- b) Các quyết định để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình; các văn bản chỉ đạo điều hành thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh;
- c) Quyết định đình chỉ thi hành hoặc bãi bỏ văn bản trái pháp luật của các cơ quan chuyên môn và của UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện; quyết định đình chỉ thi hành văn bản trái pháp luật của Hội đồng nhân dân cấp huyện và đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh bãi bỏ;
- d) Quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân theo quy định của pháp luật;
- đ) Tờ trình, báo cáo của UBND tỉnh gửi Thủ tướng Chính phủ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh (trừ trường hợp ủy nhiệm Phó Chủ tịch UBND tỉnh ký trình Hội đồng nhân dân tỉnh);
- e) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh;
- g) Văn bản cho phép công chức lãnh đạo đi công tác, học tập, tham quan ở nước ngoài;
- h) Các văn bản khác theo thẩm quyền.

2. Phó Chủ tịch UBND ký thay Chủ tịch UBND tỉnh một số quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh về chỉ đạo các công tác cụ thể, đôn đốc, hướng dẫn thi

hành các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bộ, ngành Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh; các văn bản gửi Bộ, ngành Trung ương thuộc lĩnh vực được Chủ tịch UBND tỉnh phân công phụ trách và các văn bản khác theo quy định của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Thành viên UBND tỉnh, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn ngoài việc ký các văn bản thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật còn được thừa ủy quyền Chủ tịch UBND tỉnh ký một số văn bản hành chính khi được Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền. Việc ủy quyền phải bằng văn bản và có thời hạn nhất định. Người được Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác ký.

4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh ngoài việc ký các văn bản thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật, được ký thừa lệnh Chủ tịch UBND tỉnh các văn bản sau:

a) Văn bản thông báo ý kiến kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại các cuộc họp do Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì;

b) Văn bản thông báo kết quả xử lý các công việc cụ thể của Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh để các cơ quan liên quan biết và thực hiện;

c) Các văn bản khác do Chủ tịch UBND tỉnh phân công.

Điều 34. Phát hành, công bố các văn bản của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh

1. Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm phát hành các văn bản của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trong thời gian không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày văn bản được ký, bảo đảm đúng địa chỉ, đúng thủ tục và chế độ bảo mật.

2. Các văn bản của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành có liên quan trực tiếp đến giải quyết quyền lợi và nghĩa vụ của công dân phải được thông báo hoặc niêm yết công khai tại trụ sở các cơ quan có liên quan giải quyết.

3. Văn phòng UBND tỉnh phải kịp thời cập nhật vào Cổng Thông tin điện tử của tỉnh các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản cá biệt có tính chất quan trọng của các cơ quan Trung ương, văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh và cấp huyện, văn bản chỉ đạo, điều hành quan trọng của Chủ tịch UBND tỉnh, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh và Chủ tịch UBND cấp huyện, Phó Chủ tịch UBND cấp huyện, kể cả những văn bản dự thảo gửi lấy ý kiến theo quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đồng thời phải đăng Công báo của tỉnh các văn bản của tỉnh và huyện theo quy định (trừ những văn bản có nội dung thuộc danh mục bí mật Nhà nước).

4. Văn phòng UBND tỉnh chỉ sao gửi những văn bản quy định tại khoản 3 Điều này đến Chủ tịch UBND tỉnh, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh để phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành; đồng thời chỉ gửi bản chính các văn bản của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh đến các cơ quan liên quan đối với những trường hợp theo luật định.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND cấp huyện theo dõi (định kỳ 2 lần/ngày), cập nhật thông tin trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, để phục vụ công tác của cơ quan mình.

Điều 35. Ban hành, kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật

1. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh

a) Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện được phân công chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm tổ chức thực hiện đảm bảo yêu cầu chất lượng, thủ tục và thời gian quy định.

b) Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm gửi hồ sơ dự thảo văn bản đến Văn phòng UBND tỉnh để trình UBND tỉnh chậm nhất là 05 (năm) ngày trước ngày UBND tỉnh họp. Hồ sơ trình gồm có:

- Tờ trình và dự thảo văn bản;
- Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp;
- Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản;
- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định (nếu có);
- Các tài liệu liên quan khác.

c) Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm:

Chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình dự thảo văn bản, phải kiểm tra xong dự thảo văn bản:

- Trường hợp văn bản chuẩn bị không đạt yêu cầu quy định, chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình dự thảo văn bản, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực để yêu cầu cơ quan soạn thảo bổ sung hoặc chuẩn bị lại hồ sơ trình dự thảo văn bản;

- Trường hợp hồ sơ dự thảo văn bản đảm bảo yêu cầu về trình tự, thủ tục và nội dung thì chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày UBND tỉnh họp, phải chuyển hồ sơ dự thảo văn bản đến các thành viên UBND tỉnh.

d) Thành viên UBND tỉnh họp và thông qua các dự thảo văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và Điều 20 của Quy chế này (trường hợp lấy ý kiến

thành viên UBND tỉnh bằng văn bản thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quy chế này).

2. Kiểm tra văn bản trước khi ban hành:

Văn phòng UBND tỉnh kiểm tra về trình tự, thủ tục chuẩn bị và có ý kiến đánh giá độc lập đối với các đề án, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, các báo cáo quan trọng theo chương trình công tác của UBND tỉnh và các công việc khác do các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, các cơ quan, tổ chức liên quan trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh:

Sở Tư pháp là đầu mối giúp UBND tỉnh:

a) Thực hiện công tác tự kiểm tra tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành; phát hiện những quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp đề xuất UBND kịp thời sửa đổi, bổ sung, hoặc bãi bỏ văn bản đó;

b) Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, UBND cấp huyện ban hành và đề xuất xử lý các văn bản trái pháp luật theo quy định.

Chương VIII **KIỂM TRA VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN**

Điều 36. Mục đích kiểm tra

1. Đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các công việc được giao theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh; kịp thời phát hiện, xử lý những vấn đề vướng mắc nảy sinh trong thực tiễn.

2. Bảo đảm cho hoạt động chỉ đạo điều hành được thông suốt; giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật trong hệ thống hành chính nhà nước, chống tham nhũng, lãng phí và mọi biểu hiện tiêu cực trong quản lý nhà nước.

3. Đề cao ý thức kỷ luật và trách nhiệm cá nhân của thủ trưởng cơ quan và cán bộ, công chức.

4. Bám sát cơ sở, tổng kết rút kinh nghiệm trong chỉ đạo, điều hành, bảo đảm cho các chủ trương, chính sách đi vào cuộc sống và phát huy hiệu quả.

Điều 37. Nguyên tắc kiểm tra

1. Kiểm tra phải được tiến hành thường xuyên và có kế hoạch. Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền kiểm tra quyết định kế hoạch và hình thức kiểm tra.

2. Kiểm tra phải bảo đảm dân chủ, công khai, đúng pháp luật, không gây phiền hà và không làm cản trở đến hoạt động bình thường của đơn vị được kiểm tra.

3. Quá trình kiểm tra phải lập biên bản kiểm tra. Khi kết thúc kiểm tra phải có kết luận rõ ràng, nếu phát hiện có sai phạm phải xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý thỏa đáng.

4. Qua kiểm tra phải tạo được sự chuyển biến tích cực trong quản lý nhà nước, chỉ đạo, điều hành, kỷ cương, kỷ luật hành chính.

Điều 38. Phạm vi kiểm tra

1. UBND tỉnh kiểm tra việc thi hành các văn bản của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh trong hoạt động chỉ đạo, điều hành của hệ thống cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương.

2. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh kiểm tra việc thi hành các văn bản trong phạm vi quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý.

Điều 39. Phương thức kiểm tra

1. UBND tỉnh thành lập Tổ công tác do Chánh Văn phòng UBND tỉnh làm Tổ trưởng, định kỳ hàng quý (hoặc đột xuất) kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, kết luận, chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh nhằm đánh giá toàn diện, đầy đủ tiến độ, chất lượng, kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết luận, chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao so với yêu cầu đề ra; có ý kiến về sự phù hợp của nhiệm vụ, kết luận, chỉ đạo đã giao so với thực tế. Kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, kết luận, chỉ đạo đã giao để tham mưu, đề xuất UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh hướng giải quyết hoặc có biện pháp điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ có liên quan.

2. Trường hợp đặc biệt, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập Đoàn kiểm tra hoặc phân công thành viên UBND tỉnh, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh chủ trì kiểm tra việc thi hành các văn bản chỉ đạo đối với những lĩnh vực, chương trình, dự án cụ thể có nhiều vấn đề phức tạp; chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính và thực thi các quy định của pháp luật.

3. Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh kiểm tra thực địa hoặc kiểm tra thông qua làm việc trực tiếp với các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Hội đồng nhân dân và UBND cấp huyện.

Điều 40. Báo cáo kết quả kiểm tra

1. Khi kết thúc kiểm tra, người chủ trì việc kiểm tra phải báo cáo kết quả với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh. Nếu phát hiện có sai phạm thì kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật (từ xem xét danh hiệu thi đua đến xử lý theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức).

2. Định kỳ hàng quý, cùng với thời hạn gửi báo cáo quý theo quy định tại Điều 49 của Quy chế này, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh tình hình kiểm tra việc thi hành các văn bản thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý.

3. Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp chung, báo cáo UBND tỉnh tình hình kiểm tra việc thi hành văn bản tại phiên họp thường kỳ của UBND tỉnh vào cuối quý.

Chương IX

TIẾP KHÁCH, ĐI CÔNG TÁC

Điều 41. Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh tiếp khách trong nước

1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh tiếp xã giao, gặp mặt các đoàn đại biểu, khách đến thăm, làm việc tại địa phương khi:

a) Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh trực tiếp mời hoặc theo chỉ đạo của cấp trên;

b) Tiếp khách theo đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch UBND cấp huyện, người đứng đầu các cơ quan, đoàn thể cấp tỉnh;

c) Tiếp khách là cán bộ hưu trí;

d) Tiếp theo đề nghị của khách.

2. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch UBND cấp huyện, người đứng đầu các cơ quan, đoàn thể cấp tỉnh khi có nhu cầu đề nghị Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh tiếp khách phải có công văn đề nghị gửi Chánh Văn phòng UBND tỉnh vào sáng thứ sáu của tuần trước (trừ trường hợp đặc biệt) để báo cáo Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh sắp xếp lịch tiếp khách. Công văn nêu rõ nội dung, hình thức cuộc tiếp, số lượng khách, thời gian và địa điểm tiếp và kèm theo các hồ sơ cần thiết về: nội dung, thời gian, thành phần, hoạt động của khách tại địa bàn tỉnh và các đề xuất, kiến nghị. Cơ quan chủ trì mời phải chuẩn bị nội dung buổi tiếp và phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh tổ chức buổi tiếp.

3. Văn phòng UBND tỉnh có nhiệm vụ:

a) Báo cáo Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh về đề nghị tiếp khách của các cơ quan, đơn vị. Thông báo kịp thời ý kiến của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch

UBND tỉnh cho các cơ quan liên quan biết, đồng thời đưa vào chương trình công tác tuần của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh, khi được Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh đồng ý;

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tiếp khách. Trường hợp cần thiết, theo chỉ đạo của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh, đề nghị các cơ quan liên quan chuẩn bị một số nội dung cụ thể của cuộc tiếp;

c) Mời các cơ quan báo, đài dự để đưa tin về cuộc tiếp;

d) Phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức phục vụ cuộc tiếp; tổ chức triển khai thực hiện các công việc cần thiết sau cuộc tiếp. Phối hợp cơ quan công an đảm bảo an ninh, an toàn trong quá trình tiếp, làm việc với khách trong và ngoài nước (kể cả khi tiếp khách tại phòng làm việc của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh).

Điều 42. Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh tiếp khách nước ngoài

1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh tiếp khách nước ngoài, gồm các hình thức: tiếp xã giao, tiếp làm việc (chính thức hoặc không chính thức) theo giới thiệu của các cơ quan Trung ương, đề nghị của các cơ quan, tổ chức trong tỉnh và các đề nghị trực tiếp của khách với Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Các cơ quan, tổ chức trong tỉnh khi có nhu cầu đề nghị Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh tiếp các đối tác nước ngoài của cơ quan, tổ chức mình, phải có văn bản đề nghị nêu rõ nội dung và hình thức cuộc tiếp, thành phần và chức danh, chức vụ thành viên trong đoàn, chương trình hoạt động của khách tại địa phương và các vấn đề liên quan khác, các đề xuất và kiến nghị (nếu có) phải gửi Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh ít nhất 05 (năm) ngày làm việc, trước ngày dự kiến tiếp (trừ trường hợp đặc biệt).

3. Văn phòng UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 3 Điều 41 của Quy chế này.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức trong tỉnh có kế hoạch tiếp khách nước ngoài, tuy không có nhu cầu đề nghị Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh tiếp, nhưng phải báo cáo bằng văn bản về thành phần khách, nội dung và thời gian dự kiến tiếp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, đồng gửi Sở Ngoại vụ theo dõi.

5. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan, tổ chức trong tỉnh thực hiện đúng đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước, đảm bảo yêu cầu về chính trị, đối ngoại, nghi thức và tập quán, phong tục của Việt Nam; phối hợp với cơ quan chức năng chuẩn bị các nội dung liên quan đến hoạt động của đoàn khách theo quy định.

Điều 43. Chế độ đi công tác

1. Thành viên UBND tỉnh hàng tháng phải dành thời gian đi công tác cơ sở để kiểm tra, nắm tình hình triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật của

Nhà nước, các quyết định, các văn bản chỉ đạo của UBND, Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh; gặp gỡ tiếp xúc, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của nhân dân; nắm tình hình ở cơ sở để kịp thời chỉ đạo hoặc đề xuất những giải pháp giúp địa phương, cơ sở khắc phục khó khăn.

Tùy nội dung chuyển đi công tác để tổ chức hình thức đi công tác cho phù hợp, bảo đảm thiết thực và tiết kiệm, có thể báo trước hoặc không báo trước cho cơ sở.

Ít nhất sáu tháng một lần, Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì Hội nghị tiếp xúc, đối thoại với các nhà đầu tư, các doanh nghiệp trong và ngoài nước hoạt động trên địa bàn tỉnh.

2. Thành viên UBND tỉnh đi công tác cơ sở phải có kế hoạch trước và thông báo cho Văn phòng UBND tỉnh, để tổng hợp trình Chủ tịch UBND tỉnh (trừ trường hợp công tác đột xuất).

3. Trong thời gian Hội đồng nhân dân và UBND họp, các thành viên UBND không bố trí đi công tác, trừ trường hợp đặc biệt được Chủ tịch UBND tỉnh đồng ý.

4. Thành viên UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện khi đi công tác nước ngoài phải báo cáo bằng văn bản và phải được sự đồng ý của Chủ tịch UBND tỉnh.

5. Thành viên UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện đi công tác theo sự chỉ đạo hoặc ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh, khi về trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc phải báo cáo kết quả làm việc với Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực.

6. Văn phòng UBND tỉnh có nhiệm vụ:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch đi thăm và làm việc tại các đơn vị, cơ sở của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh; thông báo cho các đơn vị, cơ sở và sở, ban, ngành tỉnh có liên quan biết kết quả các cuộc thăm và làm việc chính thức của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND;

b) Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh tổng hợp để điều phối chương trình đi công tác của các thành viên UBND tỉnh để bảo đảm hiệu quả;

c) Tổng hợp thông tin tình hình đi công tác của các thành viên UBND tỉnh, báo cáo UBND trong phiên họp UBND tỉnh vào tháng 6 và cuối năm;

d) Trường hợp Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh đi kiểm tra đột xuất không thông báo trước, Văn phòng UBND tỉnh chuẩn bị chương trình chuyển công tác theo chỉ đạo của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh.

Chương X
THANH TRA, TIẾP CÔNG DÂN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO
VÀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

Điều 44. Trách nhiệm của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Chỉ đạo Chánh Thanh tra tỉnh, Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện phối hợp thực hiện nghiêm túc công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và công tác phòng, chống tham nhũng. Định kỳ hàng tháng, Chủ tịch UBND tỉnh họp với các Phó Chủ tịch và Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan để giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân.

2. Ký văn bản kết luận Thanh tra đối với các Đoàn Thanh tra do Chủ tịch UBND tỉnh thành lập trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thanh tra do chuyên viên nghiên cứu trình, trường hợp không ký phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Tiếp hoặc ủy quyền cho các Phó Chủ tịch làm việc với các Đoàn Thanh tra của Trung ương đến làm việc với tỉnh và chỉ đạo Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh phối hợp làm việc theo yêu cầu.

4. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi để xảy ra tình trạng tham nhũng, lãng phí, gây thiệt hại lớn, những vụ việc khiếu nại tồn đọng kéo dài, gay gắt, đông người, vượt cấp, thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

5. Phối hợp với Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức tiếp công dân định kỳ hoặc đột xuất. Chủ tịch UBND tỉnh có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch UBND tỉnh tiếp công dân khi bận việc đột xuất nhưng ít nhất mỗi tháng, Chủ tịch UBND tỉnh phải bố trí thời gian để trực tiếp tiếp công dân 01 (một) ngày.

Điều 45. Trách nhiệm của thành viên UBND tỉnh

1. Trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình, các thành viên UBND tỉnh có trách nhiệm tổ chức công tác thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch của các cấp, các ngành, các đơn vị; kết luận và có quyết định giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo ngay tại cơ sở theo thẩm quyền.

2. Giải quyết kịp thời những khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền theo đúng quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo; tôn trọng lắng nghe ý kiến của công dân để cải tiến, nâng cao hiệu quả công tác.

3. Tổ chức tiếp công dân theo đúng quy định của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Phòng, chống tham nhũng và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 46. Trách nhiệm của Chánh Thanh tra tỉnh

1. Giúp Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức, chỉ đạo hoạt động thanh tra, kiểm tra, công tác tiếp công dân giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trong phạm vi thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật những khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền; khiếu nại, tố cáo do Chủ tịch UBND tỉnh giao thẩm tra, xác minh.

3. Khi phát hiện quyết định giải quyết khiếu nại hoặc kết luận về tố cáo của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện vi phạm pháp luật hoặc có tình tiết mới, phải yêu cầu Thủ trưởng cơ quan đã ban hành quyết định đó giải quyết lại hoặc báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

4. Trực tiếp thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện tiến hành công tác thanh tra, tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

5. Hàng quý, báo cáo tại phiên họp UBND về tình hình thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và phòng, chống tham nhũng ở địa phương, nhất là những vấn đề bức xúc, dư luận quan tâm; những ưu điểm, hạn chế trong công tác thanh tra, tổ chức tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và phòng, chống tham nhũng, các giải pháp khắc phục, kiến nghị biện pháp xử lý.

Điều 47. Trách nhiệm của Chánh Văn phòng UBND tỉnh

1. Sắp xếp lịch tiếp công dân của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Phối hợp với các cơ quan chức năng tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo, giải quyết những khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền.

3. Kiểm tra, đôn đốc các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện trong việc thực hiện quyết định, văn bản, ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh trong lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

4. Tiếp nhận, phân loại đơn thư kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của công dân gửi Chủ tịch UBND tỉnh.

5. Trả lời cho các đương sự có đơn, thư khiếu nại, tố cáo khi được Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền.

Điều 48. Tổ chức tiếp công dân

1. Ban Tiếp công dân tỉnh trực tiếp làm nhiệm vụ tiếp công dân thường xuyên tại Trụ sở Tiếp công dân tỉnh. Bố trí công chức có đủ trình độ, năng lực và am hiểu pháp luật để làm nhiệm vụ tiếp công dân. Khi cần thiết, Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh trực tiếp tiếp công dân tại nơi phát sinh khiếu nại, tố cáo và tranh chấp của tổ chức và công dân.

2. Chánh Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan có liên quan xây dựng các quy định, thủ tục về tiếp công dân bảo đảm đúng pháp luật và phù hợp với tình hình địa phương; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và tham mưu giúp Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức việc tiếp công dân.

3. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ và tham gia tiếp công dân đối với những vụ việc thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao.

Chương XI **CÔNG TÁC THÔNG TIN, BÁO CÁO**

Điều 49. Trách nhiệm thông tin, báo cáo

1. Trách nhiệm của Chủ tịch UBND tỉnh:

a) Định kỳ hàng tháng, quý, năm có báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương và các báo cáo chuyên đề, đột xuất theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Đồng thời, gửi các thành viên UBND tỉnh, Đoàn đại biểu Quốc hội, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện;

Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm báo cáo về tình hình công tác, quản lý, điều hành, kết quả thực hiện chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao (kèm đề xuất, kiến nghị - nếu có) theo tiến độ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 41 Quy chế làm việc của Chính phủ.

b) Ủy quyền cho Chánh Văn phòng UBND tỉnh báo cáo hàng tuần về kết quả chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, tình hình nổi bật...gửi Văn phòng Chính phủ, Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, thành viên UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện.

2. Trách nhiệm của Chánh Văn phòng UBND tỉnh:

a) Tổ chức việc cung cấp thông tin hàng ngày và hàng tuần phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành và giải quyết công việc thường xuyên của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh bao gồm: các vấn đề quan trọng do các sở, ban, ngành

tỉnh, UBND cấp huyện trình Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh và các thông tin nổi bật trong tuần về kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng tại địa phương;

b) Phối hợp trao đổi thông tin với Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh;

c) Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và tổ chức khai thác thông tin khác phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND và Chủ tịch UBND tỉnh;

d) Tham mưu UBND, Chủ tịch UBND tỉnh thẩm tra dự thảo các báo cáo định kỳ (tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm, tổng kết nhiệm kỳ) và các báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất do cơ quan chuyên môn tổng hợp.

đ) Tổ chức cập nhật vào Cổng thông tin điện tử tỉnh các báo cáo, thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, thông tin chỉ đạo, điều hành, chương trình công tác, các hoạt động thường ngày của UBND tỉnh theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh.

Phối hợp các cơ quan chuyên môn thực hiện kết nối, cập nhật thường xuyên dữ liệu, tích hợp các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của địa phương với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ qua Trục liên thông văn bản quốc gia, ký số, đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của thông tin dữ liệu, báo cáo.

Tham mưu UBND tỉnh định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm báo cáo về tình hình công tác, quản lý, điều hành, kết quả thực hiện chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao liên quan địa phương.

e) Thông báo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh xử lý các vấn đề báo chí nêu để các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện có liên quan, theo dõi kiểm tra và báo cáo Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND cấp huyện:

a) Có trách nhiệm báo cáo đúng theo tiến độ quy định cả về lĩnh vực chuyên ngành và việc thực hiện chương trình công tác của UBND tỉnh, các kết luận, chỉ đạo của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh. Trường hợp báo cáo chậm, làm ảnh hưởng đến việc báo cáo của UBND tỉnh đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh thì thủ trưởng đơn vị đó phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh;

b) Thường xuyên cập nhật, theo dõi Văn phòng điện tử, hộp thư điện tử tại cơ quan, đơn vị hàng ngày. Khi có tình huống khẩn cấp (thiên tai, bão, lũ,

dịch bệnh, cháy nổ, an ninh trật tự...) thì phải nắm bắt chính xác vụ việc và báo cáo khẩn (điện thoại, FAX...) về Văn phòng UBND tỉnh trước khi gửi văn bản chính thức để kịp thời thông tin, báo cáo Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;

c) Củng cố, tăng cường hệ thống thông tin nội bộ, để nắm được tình hình, công việc chủ yếu diễn ra hàng ngày trong toàn ngành, lĩnh vực, địa bàn phụ trách;

d) Báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (thông qua Văn phòng UBND tỉnh) các báo cáo định kỳ (tuần, tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm), báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh.

Thời hạn gửi các báo cáo định kỳ về công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện các nhiệm vụ được giao thuộc trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện (gửi qua hộp thư điện tử công vụ hoặc qua fax, sau đó phải gửi báo cáo bằng văn bản chính thức) như sau:

Báo cáo tuần: trước 11 giờ 30 ngày thứ tư hàng tuần.

Báo cáo tháng, quý (gồm báo cáo tháng 01, tháng 02, quý 1, tháng 4, tháng 5, tháng 7, tháng 8, 9 tháng, tháng 10, tháng 11, trong đó có lũy kế từ đầu năm cho đến thời điểm báo cáo, có so sánh với kế hoạch năm và so với cùng kỳ): các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện gửi báo cáo cho Cục Thống kê, Sở Kế hoạch và Đầu tư chậm nhất trong ngày 17 hàng tháng; Cục Thống kê gửi báo cáo tháng, quý I, 9 tháng chậm nhất trong ngày 19 hàng tháng; Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp gửi Văn phòng UBND tỉnh chậm nhất trong ngày 21 hàng tháng.

Báo cáo 6 tháng gắn với phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, sở, ngành gửi Cục Thống kê, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo ước tính 6 tháng vào ngày 30/5, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ động phối hợp ngành Thống kê ước tính số liệu để hoàn thành báo cáo chậm nhất trong ngày 05/6 gửi UBND tỉnh. Sau kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh sẽ cập nhật, hoàn chỉnh thành báo cáo chính thức.

Báo cáo năm gắn với phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, sở, ngành gửi Cục Thống kê, Sở Kế hoạch và Đầu tư vào ngày 20/10, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ động phối hợp Cục Thống kê ước tính số liệu để hoàn thành báo cáo sơ bộ chậm nhất trong ngày 25/10 gửi UBND tỉnh. Sau kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh sẽ cập nhật, hoàn chỉnh thành báo cáo chính thức.

Báo cáo chuyên đề hay đột xuất: đúng thời gian quy định theo yêu cầu từng báo cáo chuyên đề và đột xuất (thời gian được chỉ định cụ thể).

đ) Chuẩn bị các báo cáo của UBND tỉnh trình cơ quan cấp trên theo sự phân công của Chủ tịch UBND tỉnh;

e) Thường xuyên trao đổi thông tin với các cơ quan chuyên môn khác và UBND cấp huyện về các công việc có liên quan. Thực hiện việc cung cấp thông tin theo chế độ và khi có yêu cầu phối hợp với cơ quan khác;

g) Phải xem xét trực tiếp và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các báo cáo gửi UBND tỉnh;

h) Đối với ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại các cuộc họp, hội nghị hoặc bằng văn bản, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện phải báo cáo tiến độ thực hiện định kỳ hàng tháng (đối với những văn bản có nêu thời gian báo cáo thì thực hiện theo thời gian quy định tại văn bản đó). Trường hợp Chủ tịch UBND tỉnh nhắc nhở (lần 1) mà Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện chưa tổ chức thực hiện ý kiến chỉ đạo thì phải chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh với các hình thức sau:

- Văn bản nhắc nhở lần 2 sẽ kèm nội dung phê bình,
- Văn bản nhắc nhở lần 3 sẽ kèm nội dung thông báo và trừ điểm thi đua,

Nếu Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND cấp huyện vẫn không thực hiện nhiệm vụ, Văn phòng UBND tỉnh phối hợp Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh kiểm điểm, xử lý trách nhiệm người đứng đầu.

4. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, ngoài các nhiệm vụ quy định tại Khoản 3 Điều này, có trách nhiệm xây dựng báo cáo tóm tắt về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, cả năm. Chánh Văn phòng UBND tỉnh sẽ báo cáo tại phiên họp thành viên UBND tỉnh, kể cả tình hình thực hiện chương trình công tác và nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.

Điều 50. Thông tin về hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương cho nhân dân

1. Trách nhiệm của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh:

Thực hiện chế độ thông tin cho nhân dân thông qua các báo cáo của UBND trước Hội đồng nhân dân tỉnh, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; trả lời các chất vấn, kiến nghị của cử tri, của đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; trả lời phỏng vấn của cơ quan thông tin đại chúng về những vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Trách nhiệm của Chánh Văn phòng UBND tỉnh:

a) Chánh Văn phòng UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ phát ngôn của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, tổ chức họp báo định kỳ, thường xuyên thông tin cho các cơ quan thông tin đại chúng và nhân dân về tình hình hoạt động của UBND tỉnh, Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh, trả lời những vấn đề dư luận xã

hội và báo chí quan tâm; thông tin về các chế độ, chính sách mới ban hành, các văn bản của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh, về việc thực hiện các chủ trương, chính sách và pháp luật của Nhà nước;

b) Tổ chức công bố, phát hành rộng rãi các văn bản, các quy định, chính sách do UBND, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của công dân ở địa phương;

c) Chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thông tin; cập nhật thông tin vào Cổng thông tin điện tử của tỉnh để thông tin, tuyên truyền rộng rãi.

3. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện:

a) Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan thông tin đại chúng tiếp cận kịp thời nguồn thông tin chính xác về các sự kiện xảy ra ở địa phương;

b) Trả lời phỏng vấn của cơ quan thông tin đại chúng hoặc theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh; đưa tin đề cơ quan thông tin đại chúng đăng bài, phát tin tuyên truyền cho hoạt động của ngành, địa phương; đề nghị cải chính những nội dung đăng, phát tin sai sự thật;

c) Tăng cường công tác quản lý thông tin, báo chí chuyên ngành. Không để lọt, lộ các thông tin có nội dung thuộc danh mục bí mật của Nhà nước hoặc thông tin có tính chất lưu hành nội bộ, chưa được phép chính thức công bố.

Điều 51. Truyền thông tin trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Chính phủ

1. Các văn bản sau đây phải được đăng trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh:

a) Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành;

b) Các văn bản của Nhà nước về chính sách, pháp luật mới, các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh soạn thảo gửi đề lấy ý kiến, góp ý hoàn chỉnh nội dung văn bản (trừ những văn bản có nội dung thuộc danh mục bí mật Nhà nước);

c) Các văn bản hành chính, các báo cáo, biểu mẫu và văn bản khác được Chánh Văn phòng UBND tỉnh chỉ định nhằm thực hiện chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh.

2. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm khai thác và phổ biến những thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, các văn bản quy phạm pháp luật, các báo cáo và các thông tin liên quan khác để phục vụ có hiệu quả công tác điều hành của Chính phủ và lãnh đạo UBND tỉnh.

3. Các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh phải thực hiện chế độ trao đổi thông tin qua hộp thư điện tử công vụ theo quy định. Thường xuyên theo dõi thông tin trên phần mềm Văn phòng điện tử để kịp thời nhận văn bản chỉ đạo điều hành và các thông tin do UBND gửi để quán triệt và tổ chức thực hiện.

4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện kết nối, tích hợp cơ sở dữ liệu của tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

Chương XII **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 52. Trách nhiệm thực hiện

1. Các thành viên UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

2. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND cấp huyện trên cơ sở quán triệt Quy chế làm việc của UBND tỉnh, xem xét điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị, địa phương cho phù hợp.

3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế ở các cấp, các ngành trong tỉnh và báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định./.